



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11) 
1-0020676

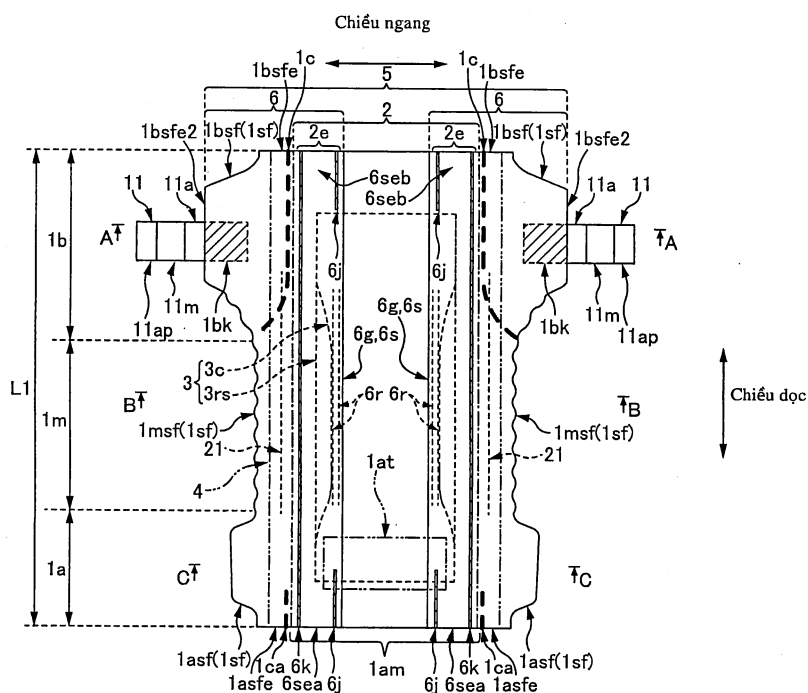
(51)⁷ A61F 13/49, 13/56

(13) B

(21) 1-2015-00070 (22) 13.11.2014
(86) PCT/JP2014/080078 13.11.2014 (87) WO2015/046632 02.04.2015
(30) 2014-152178 25.07.2014 JP
(45) 25.04.2019 373 (43) 25.06.2015 327
(73) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182 Kinseichoshimobun, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, JAPAN
(72) MIYAKE, Maki (JP), ISOGAI, Tomomi (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) TẤ LÓT DÙNG MỘT LẦN KIỂU HỎ

(57) Sáng chế đề cập đến tấm lót dùng một lần kiểu hở (1') có chiều dọc, chiều ngang và chiều dày vuông góc với nhau bao gồm: phần cặp thứ nhất (1a); phần đỡ (1m); phần cặp thứ hai (1b), phần cặp thứ nhất (1a), phần đỡ (1m) và phần cặp thứ hai (1a) được bố trí theo thứ tự theo chiều dọc; các băng gài (11) lần lượt được cố định với các đầu nằm ngang (2e) của phần cặp thứ hai (1b), và được gài với phần cặp thứ nhất (1a) và theo đó cấu thành khoảng hở quanh cặp (1HB) và hai khoảng hở quanh chân (1HL); và đường xé đứt (1c) cụ thể là để cắt ra một phần của phần cặp thứ hai (1b) mà băng gài được cố định và mà tạo ra ở trạng thái mà trong đó tấm lót được mở rộng ra.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần kiểu hở.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Tã lót dùng một lần kiểu hở thông thường đã được biết. Các tã lót có chiều ngang và chiều dài, các chiều này vuông góc với các chiều khác. Tã lót bao gồm phần cạp thứ nhất, phần đũng và phần cạp thứ hai, mà được bố trí theo thứ tự này theo chiều dọc. Trên các đầu nằm ngang của phần cạp thứ hai, các băng gài được tạo ra. Bằng cách gài các băng gài đến vùng đích của phần cạp thứ nhất, cấu thành khoảng hở quanh cạp và hai khoảng hở quanh chân và mặc tã lót bởi người sử dụng (tài liệu sáng chế 1).

Danh sách trích dẫn

Tài liệu sáng chế

Đơn yêu cầu cấp patent Nhật Bản số 2002-253608

Bản chất kỹ thuật sáng chế

Trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp có trọng lượng lúc sinh thấp là 3000 gam hoặc nhỏ hơn. Một số trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp này, sau khi sinh, hầu hết đều nằm với tư thế uốn cong như thai nhi, tư thế này được tạo ra bởi trẻ sơ sinh trong tử cung của người mẹ. Tư thế uốn cong như thai nhi này cũng được gọi là tư thế cố định. Ở tư thế này, khi uốn cong lưng của trẻ sơ sinh có hình chữ C khi quan sát từ bên như được thể hiện trong FIG. 1A, chân của trẻ sơ sinh này được mở rộng có hình chữ M với các khuỷu chân của trẻ sơ sinh được uốn cong gần lên đến bụng như được thể hiện trong FIG. 1B. Việc thực hiện hoạt động an toàn phù hợp như đặt trẻ sơ sinh lên tấm đệm tròn (không được thể hiện), và sau khi trẻ sơ sinh được đặt ở tư thế nằm sấp. Trẻ sơ sinh nằm ở tư thế nằm sấp hầu hết thời gian của chúng.

Theo một số trường hợp, quan điểm về không tạo ra lực căng, quan niệm thao tác tối thiểu, tốt hơn là không chạm vào cơ thể của bệnh nhân, được áp dụng phụ thuộc vào trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101. Đối với trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 này, sử dụng tã lót dùng một lần kiểu hở 1'.

Ở tư thế nằm sấp, vùng đích 1a' của phần cạp thứ nhất 1a', mà chi tiết bọc ngoài 11m' của các băng gài 11' được gài, thường được bố trí về phía bụng của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101, nghĩa là, dưới cơ thể của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101. Do đó, khi thay tã lót, tư thế của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 đổi thành tư thế nằm

ngừa. Do đó phần cạp thứ nhất 1a' được lật ngược và được mở ra, và sau khi chi tiết bọc ngoài 11m' được gài với vùng đích 1at' được tách ra và tã lót 1' được mở để thay tã lót 1' từ trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101.

Tuy nhiên, theo quan điểm về thao tác tối thiểu, việc thay đổi các tư thế nêu trên để thay tã lót 1', tốt hơn là tránh nhiều nhất có thể. Do đó, các nhà cung cấp về dịch vụ y tế, v.v. đã yêu cầu các tã lót kiểu hờ mà có thể thay ra từ người sử dụng tã lót như trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 trong khi người sử dụng tã lót vẫn ở tư thế nằm sấp.

Theo quan điểm về vấn đề thông thường được mô tả nêu trên, mục đích theo sáng chế là đề xuất tã lót dùng một lần kiểu hờ mà có thể thay ra từ người sử dụng tã lót ở tư thế nằm sấp.

Giải quyết vấn đề của sáng chế

Theo khía cạnh của sáng chế để đạt được ưu điểm nêu trên là tã lót dùng một lần kiểu hờ có chiều dọc, chiều ngang và chiều dày vuông góc với hướng khác, bao gồm:

phần cạp thứ nhất;

phần đũng;

phần cạp thứ hai,

phần cạp thứ nhất, phần đũng và phần cạp thứ hai được bố trí theo thứ tự này theo chiều dọc;

các băng gài

lần lượt được cố định với các đầu nằm ngang của phần cạp thứ hai, và

được gài với phần cạp thứ nhất và do đó cấu thành khoảng hờ quanh cạp và hai khoảng hờ quanh chân; và

đường xé đứt

cắt ra một phần của phần cạp thứ hai đến băng gài được cố định và nghĩa là tạo ra ở trạng thái trong đó tã lót được mở rộng ra,

trong đó

trong vùng của phần cạp thứ nhất mà đóng vai trò là khoảng hờ quanh cạp, đường cắt được tạo ra dọc theo chiều dọc trên cùng vị trí nằm ngang là đường xé đứt.

Các đặc điểm theo sáng chế khác so với các đặc điểm nêu trên sẽ trở nên rõ ràng bằng cách đọc phần mô tả của bản mô tả bằng cách tham chiếu đến các hình vẽ kèm theo. Hiệu quả đạt được theo sáng chế

Theo sáng chế, có thể đề xuất tã lót dùng một lần kiểu hờ mà có thể thay ra từ người sử dụng tã lót ở tư thế nằm sấp.

Mô tả chi tiết các hình vẽ

FIG. 1A là hình vẽ nhìn từ một bên của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 ở tư

thể cố định, và FIG. 1B là hình chiếu của FIG. 1A dọc theo đường B-B như được quan sát từ phía mũi tên.

FIG. 2 là hình chiếu bằng của tấm lót dùng một lần 1 theo phương án sáng chế, mà được mở rộng ra.

Các FIG. 3A, FIG.3B và FIG.3C là hình chiếu mặt cắt ngang của FIG. 2 lần lượt dọc theo đường A-A, đường B-B và đường C-C.

FIG. 4 là hình vẽ phối cảnh của tấm lót dùng một lần 1 mà đã được mặc.

FIG. 5A là hình vẽ nhìn từ một bên của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 ở tư thế nằm sấp trước khi thay tấm lót 1, và FIG. 5B là hình vẽ nhìn từ một bên thể hiện tấm lót 1 được thay ra từ trẻ sơ sinh 101 ở tư thế nằm sấp.

FIG. 6 hình vẽ phóng to thân theo sáng chế, dùng để minh họa các đường xé đứt 1c.

FIG. 7 hình vẽ phóng to của thân theo sáng chế, dùng để minh họa các đường xé đứt 1c.

FIG. 8 hình vẽ phóng to của thân theo sáng chế, dùng để minh họa các đường xé đứt 1c' theo ví dụ được biến đổi thứ nhất.

FIG. 9 hình vẽ phóng to của thân theo sáng chế, dùng để minh họa các đường xé đứt 1c'' theo ví dụ được biến đổi thứ hai.

FIG. 10 hình vẽ phóng to của thân theo sáng chế, dùng để minh họa các đường xé đứt 1c''' theo ví dụ được biến đổi thứ ba.

FIG. 11 là sơ đồ giải thích thể hiện các băng gài mà được gài theo cách này nghĩa là các băng gài xếp chồng lên nhau.

Mô tả chi tiết sáng chế

Ít nhất các vấn đề sau sẽ được làm rõ ràng bởi phần mô tả theo bản mô tả và các hình vẽ kèm theo.

Tấm lót dùng một lần kiểu hở có chiều dọc, chiều ngang và chiều dày vuông góc với nhau, bao gồm:

phần cạp thứ nhất;

phần đũng;

phần cạp thứ hai,

phần cạp thứ nhất, phần đũng và phần cạp thứ hai được bố trí theo thứ tự này theo chiều dọc;

các băng gài

mà lần lượt được cố định với các đầu nằm ngang của phần cạp thứ hai, và được gài với phần cạp thứ nhất và theo đó cấu thành khoảng hở quanh cạp và hai khoảng

hở quanh chân; và

đường xé đứt

mà để cắt ra một phần của phần cạp thứ hai mà băng gài được cố định và
mà tạo ra ở trạng thái trong đó tã lót được mở rộng ra.

Với tã lót dùng một lần này, có thể thay tã lót từ người sử dụng tã lót trong khi người sử dụng tã lót vẫn ở tư thế nằm sấp. Cụ thể hơn, tã lót này như sau. Tã lót kiểu hở thường được mặc bởi người sử dụng tã lót sao cho phần cạp thứ hai với các băng gài được cố định, được bố trí về phía lưng của người sử dụng tã lót. Do đó, ở tư thế nằm sấp, phần cạp thứ hai thường được đặt phía trên theo chiều dọc. Với tã lót này có kết cấu nêu trên, có thể cắt ra bằng cách sử dụng đường xé đứt của phần mà bao gồm ở phần cạp thứ hai và băng gài được cố định. Trong khi người sử dụng tã lót vẫn ở tư thế nằm sấp, do đó có thể tháo băng gài từ phần tâm nằm ngang của phần cạp thứ hai. Ở tư thế nằm sấp, do đó tã lót có thể được mở ra. Việc này có thể thay tã lót từ người sử dụng tã lót ở tư thế nằm sấp.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là đường xé đứt tương ứng với mỗi băng gài và được tạo ra tại mỗi vị trí trên cả hai bên theo chiều ngang, đường xé đứt được tạo ra được kéo dài từ vùng mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh cạp, đến vùng mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh chân, thông qua vị trí theo chiều ngang trên mặt bên trong của vùng mà băng gài được cố định.

Với tã lót dùng một lần này, vùng mà bao gồm trong phần cạp thứ hai và mà băng gài được cố định có thể bắt đầu được cắt từ vùng mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh cạp hoặc vùng mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh chân. Do đó có thể nhanh chóng cắt ra những đoạn mà băng gài được cố định trong khi người sử dụng tã lót vẫn ở tư thế nằm sấp.

Đường xé đứt kéo dài qua vị trí theo chiều ngang về phía bên trong của vùng, của phần cạp thứ hai, mà băng gài được cố định. Khi cắt ra vùng này, do đó không cần thiết cắt các băng gài. Việc này có thể làm giảm lực cần thiết để cắt đường xé đứt. Do đó, có thể giảm sức căng bên ngoài mà có thể được áp dụng cho người sử dụng tã lót trong khi cắt đường xé đứt.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là

đường xé đứt bao gồm các lỗ thông kéo dài theo chiều dày, và

các lỗ thông được bố trí dọc theo hướng mà trong đó đường xé đứt nên được kéo dài.

Với tã lót dùng một lần này, bởi đường xé đứt bao gồm các lỗ thông, đường xé đứt có thể được xé bằng lực nhỏ. Do đó, có thể giảm sức căng bên ngoài mà có thể được

áp dụng cho người sử dụng tã lót trong khi cắt đường xé đứt.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hờ này, tốt hơn là

đường xé đứt bao gồm

phần đường xé đứt thứ nhất mà tạo được ra kéo dài theo chiều dọc vào phía trong từ vùng mà đóng vai trò làm khoảng hờ quanh cạp, và

phần đường xé đứt thứ hai

mà được cố định ở vị trí bên trong theo chiều dọc so với phần đường xé đứt thứ nhất và

nghĩa là được cố định ở vị trí theo chiều dọc giống như băng gài,

liên quan đến tỷ lệ về chiều dài của các lỗ thông so với chiều dài đơn vị theo hướng trong đó đường xé đứt kéo dài, tỷ lệ ở phần đường xé đứt thứ hai nhỏ hơn so với tỷ lệ ở phần đường xé đứt thứ nhất.

Với tã lót dùng một lần này, phần đường xé đứt thứ nhất dễ dàng cắt hơn so với phần đường xé đứt thứ hai. Điều này ngăn chặn một cách hiệu quả phần đường xé đứt thứ hai khỏi bị đứt ngẫu nhiên khi mỗi băng gài được kéo ra bên ngoài theo chiều ngang nhằm tạo ra cho người sử dụng tã lót có thể mặc tã lót. Do phần đường xé đứt thứ nhất, khi tháo tã lót từ người sử dụng tã lót, đồng thời có thể dễ dàng bắt đầu cắt tã lót từ vùng mà đóng vai trò làm khoảng hờ quanh cạp.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hờ này, tốt hơn là

đường xé đứt bao gồm phần được uốn cong về phía bên trong phần đường xé đứt thứ hai theo chiều dọc,

phần được uốn cong ở dạng được uốn cong và dịch chuyển ra bên ngoài theo chiều ngang như phần này dịch chuyển vào phía trong theo chiều dọc,

liên quan đến tỷ lệ về chiều dài của các lỗ thông so với chiều dài đơn vị theo hướng trong đó đường xé đứt kéo dài, tỷ lệ ở phần đường xé đứt thứ hai nhỏ hơn so với tỷ lệ ở phần được uốn cong.

Với tã lót dùng một lần này, phần được uốn cong dễ dàng cắt hơn so với phần đường xé đứt thứ hai. Điều này ngăn chặn một cách hiệu quả phần đường xé đứt thứ hai khỏi bị đứt ngẫu nhiên khi mỗi băng gài được kéo ra bên ngoài theo chiều ngang nhằm tạo ra cho người sử dụng tã lót có thể mặc tã lót. Điều này đồng thời làm phần được uốn cong có thể cắt một cách chính xác dọc theo dạng được uốn cong được định hướng của nó khi tháo tã lót từ người sử dụng tã lót.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hờ này, tốt hơn là

đường xé đứt bao gồm

phần đường thẳng mà kéo dài thẳng dọc theo chiều dọc từ vùng mà đóng vai trò

làm khoảng hở quanh cạp, và

phần được uốn cong

mà ở dạng được uốn cong và

phần được uốn cong này được cố định trên mặt bên trong của phần đường thẳng theo chiều dọc và di chuyển ra bên ngoài theo chiều ngang như nó di chuyển vào phía trong theo chiều dọc.

Với tã lót dùng một lần này, đường xé đứt bao gồm phần được uốn cong nêu trên, và đường xé đứt có thể đạt đến nằm ngang mép ngoài của tã lót qua đường tương đối ngắn. Nghĩa là, có thể điều chỉnh các đường xé đứt mà không kéo dài đường của chúng đáng kể vào phía trong theo chiều dọc. Điều này có thể ngăn chặn khó khăn một cách hiệu quả mà có thể xảy ra khi đường đi của các đường xé đứt kéo dài đáng kể vào phía trong theo chiều dọc, nghĩa là, khó khăn mà phần đường xé đứt bị tách giữa bụng của người sử dụng tã lót ở tư thế được xác định và các chân của người sử dụng được mở rộng có hình chữ M, mà gây ra khó khăn để cắt đường xé đứt.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là

các chi tiết đàn hồi quanh chân được tạo ra dọc theo chiều dọc ở các vị trí trên cả hai bên theo chiều ngang,

một trong các chi tiết đàn hồi quanh chân là để co lại vùng mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh chân theo chiều dọc, và

xem xét rằng phần được uốn cong được chia thành phần gần khoảng hở quanh cạp và phần gần khoảng hở quanh chân,

khi chi tiết đàn hồi quanh chân được quan sát từ chiều dày, chi tiết đàn hồi quanh chân giao nhau với một phần của phần được uốn cong trên cạnh của khoảng hở quanh cạp.

Với tã lót dùng một lần này, chi tiết đàn hồi quanh chân giao với một phần của phần được uốn cong trên cạnh của khoảng hở quanh cạp và, gần với vị trí biên giữa phần đường thẳng và phần được uốn cong, có vị trí giao nhau mà chi tiết đàn hồi quanh chân và phần được uốn cong giao nhau tại đó. Mặt khác, khi phần được uốn cong được cắt sau khi cắt phần đường thẳng, có khả năng cắt ngẫu nhiên phần kéo dài của phần đường thẳng hoặc gần đó do động lượng cắt phần đường thẳng. Cụ thể là, có khả năng vị trí được cố định ra khỏi phần được uốn cong mà được cắt ngẫu nhiên. Do đó, vị trí giao nhau của chi tiết đàn hồi quanh chân và phần được uốn cong được cố định gần vị trí biên giữa phần đường thẳng và phần được uốn cong. Trong quá trình mà trong đó phần được uốn cong được cắt sau khi cắt phần đường thẳng, khi vị trí cắt đạt đến vị trí giao nhau gần vị trí biên, động lượng theo chiều dọc để cắt phần đường thẳng được hấp thụ do sự

biến dạng đàn hồi của chi tiết đàn hồi quanh chân. Do đó, sự dịch chuyển cắt về phía trước dọc theo chiều dọc dừng lại. Điều này làm cho nó có khả năng điều chỉnh nhanh vị trí cắt về phía phần được uốn cong. Điều này làm cho nó có thể cắt chính xác tấm lót dọc theo phần được uốn cong.

Ở tấm lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là tấm lót bao gồm các tấm được xếp chồng theo chiều dày, số tấm được xếp chồng theo ít nhất một phần của phần được uốn cong nhỏ hơn so với số tấm được xếp chồng theo phần đường thẳng.

Với tấm lót dùng một lần này, số tấm được xếp chồng theo ít nhất một phần của phần được uốn cong nhỏ hơn so với theo phần đường thẳng. Do đó, phần này dễ dàng được cắt. Điều này có thể đẩy nhanh việc cắt đường được uốn cong, mà thường được cho là khó hơn cắt đường thẳng. Do đó, đó là phần được uốn cong có thể cắt một cách chính xác dọc theo hình dạng được định hướng của nó.

Tấm lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là tấm lót bao gồm màng nhựa, chiều mà trong đó màng nhựa giãn tại thời điểm sản xuất dọc theo chiều dọc, và phần đường thẳng được tạo ra trong màng nhựa.

Với tấm lót dùng một lần này, do chiều kéo giãn của màng nhựa là chiều dọc, màng nhựa dễ dàng cắt theo chiều dọc. Điều này cho phép phần đường thẳng dễ dàng được cắt dọc theo chiều dọc.

Ở tấm lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là vùng tạo thành các chun đứng giống như tấm được tạo ra dọc theo chiều dọc theo các vị trí trên cả hai bên theo chiều ngang, vùng tạo thành các chun đứng bao gồm phần đáy và phần đứng mà được bố trí theo thứ tự này theo chiều ngang, phần đáy không thể đứng theo chiều dày, phần đứng có thể đứng từ phần đáy trên mặt da theo chiều dày, phần đáy nhằm làm điểm đỡ,

phần đứng đứng trên mặt da theo chiều dày do độ co của phần đứng theo chiều dọc bằng lực co theo chiều dọc mà tác dụng lên phần đứng, và

đường xé đứt được tạo ra trên các mặt ngoài của phần đáy và phần đứng theo chiều ngang.

Với tấm lót dùng một lần này, đường xé đứt được tạo ra trên mặt ngoài của phần đáy và phần đứng của vùng tạo thành các chun đứng theo chiều ngang. Do đó, thậm chí nếu đường xé đứt bị xé đứt, phần đáy và phần đứng của vùng tạo thành các chun đứng

có thể hãm thích hợp phân được giữ bên trong các chun này theo chiều ngang. Điều này ngăn chặn một cách hiệu quả phân rò rỉ khỏi tã lót.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là

tã lót còn bao gồm lõi thấm hút tại tâm theo chiều ngang,

lõi thấm hút thấm hút chất lỏng và bao gồm vật liệu thấm hút chất lỏng được lắng đọng theo chiều dày, và

đường xé đứt được tạo ra trên mặt ngoài của lõi thấm hút theo chiều ngang.

Với tã lót dùng một lần này, đường xé đứt được tạo ra ở vị trí mà lõi thấm hút không tồn tại. Điều này tránh một cách hiệu quả rò rỉ phân được giữ bởi lõi thấm hút từ lõi, sự rò rỉ gây ra do cắt đường xé đứt. Điều này ngăn chặn một cách hiệu quả phân khỏi rò rỉ khỏi tã lót.

Ở tã lót dùng một lần kiểu hở này, tốt hơn là

trong phần cạp thứ nhất, ở vùng mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh cạp, đường cắt được tạo ra dọc theo chiều dọc ở cùng vị trí nằm ngang là đường xé đứt.

Với tã lót dùng một lần này, vùng, trong phần cạp thứ nhất, mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh cạp có thể được gấp bằng cắt đường xé đứt được tạo thành ở phần cạp thứ nhất. Điều này làm cho nó có thể tiếp xúc với phần cơ thể của người sử dụng tã lót. Hoạt động bất kỳ như xử lý nhẹ có thể được thực hiện với phần được tiếp xúc này. Khi đường cắt được cắt, khoảng hở quanh cạp có thể thay đổi linh động theo chiều ngang. Người sử dụng tã lót mà bụng to có thể theo đó mặc tã lót một cách tiện lợi.

Phương án

FIG. 2 là hình chiếu bằng của tã lót dùng một lần 1 của phương án sáng chế, mà được mở rộng ra các FIG. 3A, FIG.3B và FIG.3C là hình vẽ mặt cắt ngang của FIG. 2 lần lượt được cắt dọc theo đường A-A, đường B-B và đường C-C. FIG. 4 là hình chiếu phối cảnh của tã lót dùng một lần 1 mà đã được mặc.

Tã lót 1 là tã lót kiểu hở 1 mà đã được mặc bởi người sử dụng tã lót 101 bằng các băng gài 11, và cụ thể là, được áp dụng thích hợp cho trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 có 3000 gam hoặc nhỏ hơn. Lưu ý rằng phần mô tả sau đây được thực hiện bằng cách xem xét trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 là người sử dụng tã lót. Tuy nhiên, sáng chế không bị giới hạn ở đó. Trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ có thể là người sử dụng tã lót, và người lớn cũng có thể là người sử dụng tã lót.

Ở trạng thái mà trong đó tã lót 1 được mở rộng ra như được thể hiện trong FIG. 2, tã lót 1 có ba hướng vuông góc với nhau: chiều dọc, chiều ngang và chiều dày. Tã lót 1 bao gồm phần cạp thứ nhất 1a, phần đũng 1m và phần cạp thứ hai 1b, được bố trí theo thứ tự theo chiều dọc. Thông thường, khi tã lót 1 được mặc như được thể hiện trong FIG.

4, phần cạp thứ nhất 1a bao trùm phía bụng của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101, phần đũng 1m bao trùm đũng của trẻ sơ sinh 101, và phần cạp thứ hai 1b bao trùm phía lưng của trẻ sơ sinh 101. Theo một số trường hợp, tuy nhiên, tã lót 1 được mặc bởi trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 trong khi chiều dọc đối diện với trường hợp trước đây. Cụ thể là, tã lót 1 được mặc sao cho phần cạp thứ nhất 1a bao trùm phía lưng của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 và phần cạp thứ hai 1b bao trùm phía bụng.

Ở trạng thái được mở rộng ra của FIG. 2, phần cạp thứ nhất 1a và phần cạp thứ hai 1b kéo dài vượt quá hai mặt của phần đũng 1m theo chiều ngang, và đường viền của tã lót 1 theo chiều dày theo đó về cơ bản ở dạng đồng hồ cát khi được chiếu từ trên. Nói cách khác, tã lót 1 bao gồm: thân thấm hút 3 mà thấm hút dịch lỏng được thải ra; và phần giống như tấm mỏng, linh hoạt mà kéo dài ra ngoài hơn thân thấm hút 3 theo chiều ngang và theo chiều dọc, đường viền của phần giống như tấm về cơ bản ở dạng đồng hồ cát khi được chiếu từ trên.

Trong phần giống như tấm này, các chi tiết 1sf kéo dài về phía cả hai mặt vượt qua thân thấm hút 3 theo chiều ngang mà ở đây còn được gọi là “các cánh bên 1sf”. Cánh bên 1sf tồn tại qua ba phần, cụ thể là phần cạp thứ nhất 1a, phần đũng 1m và phần cạp thứ hai 1b. Các cánh bên 1asf được cố định ở phần cạp thứ nhất 1a ở đây còn được gọi là “các cánh bên thứ nhất 1asf”. Các cánh bên 1msf được cố định ở phần đũng 1m sau đây được gọi là “các cánh bên của phần đũng 1msf”. Các cánh bên 1bsf được cố định ở phần cạp thứ hai 1b sau đây được gọi là “các cánh bên thứ hai 1bsf”. Các cánh bên thứ hai 1bsf và 1bsf tương ứng với “các đầu nằm ngang” theo yêu cầu bảo hộ. Một mặt theo chiều dày sau đây được gọi là “mặt tiếp xúc với da”, và mặt còn lại được gọi là “mặt tiếp xúc không tiếp xúc với da”. Hình chiếu bằng của FIG. 2 thể hiện tã lót 1 được mở rộng ra, như được quan sát từ mặt tiếp xúc với da.

Như được thể hiện trong FIG. 2, trên mỗi đầu phía ngoài nằm ngang 1bsef2 của các cánh bên thứ hai 1bsf, băng gài 11 được tạo ra kéo dài theo chiều ngang. Nhờ gài các băng gài 11 trên vùng đích 1 được tạo ra ở bề mặt không tiếp xúc với da của phần cạp thứ nhất 1a (FIG. 2), khoảng hở quanh cạp 1HB và hai khoảng hở quanh chân 1HL và 1HL được tạo thành như được thể hiện trong FIG. 4, và tã lót 1 được mặc bởi trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101.

Tã lót 1 bao gồm: thân thấm hút 3 mà có hình dạng kéo dài về cơ bản theo chiều dọc và thấm hút dịch lỏng được thải ra như nước tiểu; tấm phía trên có thể thấm chất lỏng 2 mà bao trùm thân thấm hút 3 từ mặt tiếp xúc với da; tấm chống rò rỉ không thể thấm được chất lỏng 4 mà bao trùm thân thấm hút 3 từ mặt tiếp xúc không tiếp xúc với da; tấm bên ngoài 5 mà về cơ bản có hình dạng đồng hồ cát mà bao gồm tấm chống rò rỉ

4 từ mặt tiếp xúc không tiếp xúc với da và định rõ đường viền của lỗ 1; và cặp tấm chun đứng 6 và 6 được bố trí theo chiều ngang trên tấm phía trên 2 và lần lượt tạo thành các chun đứng 6g và 6g trên các đầu nằm ngang của thân thấm hút 3, các chun đứng nhằm làm các vật cản sự rò rỉ.

Như được thể hiện trong FIG. 3A đến FIG.3C, thân thấm hút 3 bao gồm: lõi thấm hút 3c; và tấm quần lõi 3rs quần hầu như toàn bộ mặt ngoài của lõi thấm hút 3c. Lõi thấm hút 3c là chi tiết được tạo thành bằng cách tạo hình vật liệu thấm hút chất lỏng nhất định thành dạng về cơ bản là đồng hồ cát khi được chiếu từ trên (FIG. 2), hình vẽ cơ bản là đồng hồ cát là ví dụ về hình dạng được xác định trước. Vật liệu thấm hút chất lỏng này được minh họa bằng sợi thấm hút chất lỏng (ví dụ, sợi gỗ) và vật chất dạng hạt thấm hút chất lỏng như polyme siêu thấm hút (sau đây được gọi là SAP). Đối với tấm quần lõi 3rs, tấm có thể thấm chất lỏng như tấm giấy lụa hoặc vải không dệt được sử dụng. Nên lưu ý rằng hình dạng của lõi thấm hút 3c không bị giới hạn ở hình vẽ cơ bản là đồng hồ cát khi được chiếu từ trên. Ví dụ, hình này có thể về cơ bản là hình chữ nhật khi được chiếu từ trên.

Tấm phía trên 2 được làm từ vải không dệt như vải không dệt thông khí, và có các chiều phẳng mà trong đó tấm phía trên 2 kéo dài vượt qua các cạnh theo chiều dọc và các cạnh nằm ngang của thân thấm hút 3 như được thể hiện trong Fig. 2 và FIG.3A đến FIG.3C. Tấm chống rò rỉ 4 được làm từ màng nhựa như màng polyetylen, và tương tự có các chiều phẳng mà trong đó tấm chống rò rỉ 4 kéo dài vượt qua các cạnh theo chiều dọc và các cạnh theo chiều ngang của thân thấm hút 3. Các tấm này 2 và 4 được liên kết với nhau, bằng các phương thức như dính hoặc hàn, trên các phần mà kéo dài qua thân thấm hút 3 theo chiều dọc và theo chiều ngang. Do đó, thân thấm hút 3 được giữ giữa các tấm này 2 và 4.

Như được thể hiện trong FIG. 2, tấm bên ngoài 5 được làm từ vải không dệt thích hợp và vải tương tự, định rõ đường viền của lỗ 1. Trên bề mặt tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 5, các tấm nêu trên 2 và 4 và thân thấm hút 3 được giữ ở đó mà được kết hợp bằng các phương thức như dính hoặc hàn, các tấm 2 và 4 và thân thấm hút 3 được xếp chồng trong khi trùng với các tâm nằm ngang của chúng với nhau (FIG. 3A đến FIG.3C). Ở trạng thái được kết hợp trên đây, thân thấm hút 3 kéo dài từ phần cặp thứ nhất 1a qua phần đứng 1m đến phần cặp thứ hai 1b (FIG. 2).

Cặp tấm chun đứng 6 và 6 (tương ứng với vùng tạo thành các chun đứng) tương ứng với các đầu nằm ngang 2e và 2e của tấm phía trên 2 và được tạo ra sao cho lần lượt bao trùm các đầu 2e và 2e từ mặt tiếp xúc với da, như được thể hiện trong FIG. 2. Các tấm 6 và 6 tạo thành các chun đứng 6g và 6g dọc theo chiều dọc, các chun 6g và 6g đứng

từ bề mặt tiếp xúc với da của tấm phía trên 2. Cụ thể là, mỗi tấm chun đứng 6 bao gồm phần đáy 6k ở dạng dài và phần đứng 6s, mà được bố trí theo chiều ngang: phần đáy 6k được cố định dọc chiều dọc đến tấm phía trên 2 có chất bám dính nóng chảy, v.v. và không thể đứng; và phần đứng 6s có thể đứng từ điểm đỡ, là phần đáy 6k, trên mặt tiếp xúc với da theo chiều dày. Trên cạnh ngang của phần đứng 6s, các ren cao su 6r kéo giãn theo chiều dọc và được cố định có chất bám dính nóng chảy, v.v. Các ren cao su 6r đóng vai trò là chi tiết đàn hồi các chun đứng 6r được bố trí dọc chiều dọc. Do đó, lực co theo chiều dọc được tác dụng lên phần đứng 6s. Do độ co của phần đứng 6s theo chiều dọc bởi lực co, phần đứng 6s tạo thành các nếp và đứng trên mặt tiếp xúc với da theo chiều dày. Các chun đứng 6g đóng vai trò theo cách này (FIG. 2 và 3B).

Như được thể hiện trong FIG. 2, FIG.3A và FIG.3C, ở các đầu theo chiều dọc 6sea và 6seb của mỗi phần đứng 6s, cố định các vùng 6j và 6j ở dạng dài được tạo thành dọc theo chiều dọc; các đầu 6sea và 6seb được cố định với các vùng cố định 6j và 6j theo cách này mà các đầu 6sea và 6seb nằm trên tấm phía trên 2. Cụ thể là, giữa tấm phía trên 2 và các phần của các đầu 6sea và 6seb tương ứng với các vùng cố định 6j và 6j, dabs của chất bám dính nóng chảy nhằm làm các vùng cố định 6j và 6j được đặt dọc theo chiều dọc ở dạng dài. Các đầu 6seLa và 6seLb được cố định bằng chất bám dính theo cách mà các đầu 6sea và 6seb nằm trên tấm phía trên 2.

Vật liệu thích hợp với tấm chun đứng 6 được minh họa bằng vải không dệt thích hợp, và vải không dệt SMS (vải không dệt siêu liên kết/ vải không dệt được thổi nóng chảy/ vải không dệt siêu liên kết) được sử dụng trong ví dụ này. Tuy nhiên, sáng chế này không giới hạn ở đó nếu vật liệu là linh hoạt.

Như được thể hiện trong FIG. 2 và FIG.3A đến FIG.3C, tấm chun đứng 6 kéo dài ra phía ngoài theo chiều ngang về cơ bản cùng vị trí là các mép ngoài của tấm bên ngoài 5; trên hoặc gần các cạnh trên đây, tấm chun đứng 6 và tấm bên ngoài 5 được kết hợp bằng cách dính hoặc hàn. Nhờ tấm chun đứng 6 cùng với tấm bên ngoài 5, các cánh bên thứ nhất trên đây 1asf và các cánh bên thứ hai 1bsf lần lượt được tạo thành trên phần cặp thứ nhất 1a và phần cặp thứ hai 1b. Tương tự, ở phần đứng 1m, trên hoặc gần các cạnh trên đây, tấm chun đứng 6 và tấm bên ngoài 5 được kết hợp bằng cách dính hoặc hàn. Các cánh bên của phần đứng 1msf và 1msf theo đó được tạo thành xuyên qua một vùng bên trong từ các cạnh theo chiều ngang.

Một trong các cánh bên của phần đứng 1msf và 1msf, cùng với một phần của cánh bên thứ nhất 1asf và một phần của cánh bên thứ hai 1bsf, tạo thành khoảng hở quanh chân 1HL khi mặc tã lót. Cụ thể là, các cánh bên của phần đứng cấu thành các phần quanh chân của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101. Để co các cánh bên của phần

đứng 1msf theo chiều dọc để tạo thành các chun quanh chân, ren cao su 21 kéo giãn theo chiều dọc và được cố định với mỗi cánh bên của phần đứng 1msf bằng cách như dính, ren cao su 21 nhằm làm chi tiết đàn hồi quanh chân 21 kéo dài thẳng dọc theo chiều dọc. Khi chi tiết đàn hồi quanh chân được kéo giãn 21 được lỏng ra, cánh bên của phần đứng 1msf co theo chiều dọc để tạo thành các nếp, mà trở thành các chun quanh chân.

Trong ví dụ này, như được thể hiện trong FIG. 3B, chi tiết đàn hồi quanh chân 21 được bố trí giữa tấm bên ngoài 5 và tấm chun đứng 6, nhưng sáng chế này không bị giới hạn ở đó. Ví dụ, chi tiết đàn hồi quanh chân 21 có thể dính với bề mặt không tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 5 hoặc với bề mặt tiếp xúc với da của tấm chun đứng 6.

Trong ví dụ này, ren cao su 21 được sử dụng làm chi tiết đàn hồi quanh chân 21, nhưng sáng chế không bị giới hạn ở đó. Băng đàn hồi có thể được sử dụng, hoặc vải không dệt giãn được hoặc màng giãn được mà có khả năng kéo giãn dựa trên độ đàn hồi của riêng nó có thể được sử dụng.

Như được thể hiện trong FIG. 2, các băng gài 11 và 11 được tạo ra lần lượt trên các đầu phía ngoài nằm ngang 1bsfe2 và 1bsfe2 của cặp cánh bên thứ hai 1bsf và 1bsf. Chi tiết đáy băng 11a của mỗi băng gài là tấm giống như dải được làm từ vải không dệt được kéo dài theo chiều ngang; một đầu nằm ngang của chi tiết đáy băng 11a được cố định với vùng 1bk của đầu phía ngoài 1bsfe2 của cánh bên thứ hai 1bsf, và đầu nằm ngang còn lại lồi ra ngoài theo chiều ngang qua đầu phía ngoài 1bsfe2 của cánh bên thứ hai 1bsf.

Trên bề mặt tiếp xúc với da của vùng lồi này, chi tiết ren 11m của phần siết chặt móc và vòng được cố định, và các móc gài (không được thể hiện) được tạo ra trên bề mặt tiếp xúc với da của chi tiết ren 11m. Do đó, các móc gài của chi tiết ren 11m được bắt với vùng đích1 được tạo ra ở bề mặt không tiếp xúc với da của phần cặp thứ nhất 1a, và băng gài 11 mà theo đó được gài với phần cặp thứ nhất 1a. Phần siết chặt móc và vòng đã được biết có thể áp dụng với chi tiết ren 11m; ví dụ, các móc gài dạng móc cá hoặc dạng hình chữ T có thể được sử dụng nếu thích hợp.

Như được thể hiện trong FIG. 2 và FIG.3A, vùng đích 1at được bố trí trên bề mặt không tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 5, cụ thể là, bề mặt không tiếp xúc với da của phần cặp thứ nhất 1a. Nói cách khác, trong ví dụ này, do tấm bên ngoài 5 là vải không dệt và có thể đảm bảo đủ khả năng gài với chi tiết ren 11m, bề mặt không tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 5 tự được sử dụng làm đối tượng mà chi tiết ren 11m được gài vào đó. Tuy nhiên, sáng chế không bị giới hạn ở đó. Băng đích được chỉ định có thể được sử dụng để tạo thành vùng đích 1at.

Khi mặc tã lót 1 cho trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101, trong khi phần cặp thứ

hai 1b của tã lót 1 được kéo ra về phía cả hai mặt nằm ngang bởi cặp băng gài 11 và 11 ở phần cặp thứ hai 1b, một trong cặp băng gài 11 và 11 được gài với vùng đích 1at của phần cặp thứ nhất 1a (FIG. 4). Trong ví dụ của FIG. 2, các chi tiết đáy băng 11a kéo dài qua chi tiết bọc ngoài 11m ra ngoài theo chiều ngang, các phần kéo dài này 11ap nhằm làm các tay 11ap mà một trong chúng được giữ khi được kéo ra về phía hai mặt của các băng gài 11.

Kết cấu cơ bản của tã lót 1 được mô tả nêu trên. Theo phương án sáng chế, nhằm tạo ra cho nó có thể thay tã lót 1 cho trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 ở tư thế nằm sấp trong FIG. 5A, theo các cánh bên thứ hai 1bsf và 1bsf của phần cặp thứ hai 1b, các đường xé đứt 1c và 1c lần lượt được tạo ra ở trạng thái mà trong đó tã lót 1 được mở rộng ra như được thể hiện trong FIG. 2.

FIG. 6 là hình chiếu phóng to của thân theo sáng chế, dùng để minh họa các đường xé đứt 1c. Như được thể hiện trong FIG. 6, các đường xé đứt 1c được tạo ra ở dạng đục lỗ sao cho có thể cắt ra những đoạn 1bk, của phần cặp thứ hai 1b, mà các bộ đáy băng 11a của các băng gài 11 được cố định (các đoạn 1bk được chỉ định bằng cách gạch trong FIG.6; sau đây gọi là vùng cố định băng gài 1bk). Cụ thể hơn là, các đường xé đứt 1c lần lượt được tạo thành theo các cánh bên thứ hai 1bsf tương ứng với mỗi băng gài 11. Mỗi đường xé đứt 1c được tạo ra kéo dài, theo phần cặp thứ hai 1b, từ vùng 1bHB nhằm làm khoảng hở quanh cặp 1HB, về phía vùng 1bHL nhằm làm khoảng hở quanh chân 1HL, thông qua vị trí theo chiều ngang về phía bên trong của vùng cố định băng gài 1bk.

Như được thể hiện trong FIG. 5B, theo đó có khả năng loại bỏ nhanh tã lót 1 từ trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 ở tư thế nằm sấp được thể hiện trong FIG. 5A. Cụ thể là, như được thể hiện trong FIG. 5A, tã lót 1 thường được mặc bởi trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 sao cho phần cặp thứ hai 1b, mà các băng gài 11 được cố định vào đó, mà được đặt về phía lưng của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101. Do đó, ở tư thế nằm sấp, phần cặp thứ hai 1b được đặt phía trên theo chiều dọc. Với tã lót 1, có thể cắt ra vùng cố định băng gài 1bk của phần cặp thứ hai 1 đi theo đường xé đứt 1c như nêu trên (FIG. 5B). Điều này cho phép các băng gài 11 được tách khỏi phần tâm nằm ngang 1bc của phần cặp thứ hai 1b (FIG. 6). Điều này làm cho nó có thể tách phần cặp thứ nhất 1a và phần cặp thứ hai 1b và mở tã lót 1, trong khi chi tiết bọc ngoài 11m của các băng gài 11 giữ được gài với phần cặp thứ nhất 1a. Điều này làm cho nó có thể thay tã lót 1 từ trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 ở tư thế nằm sấp.

Bằng cách tham chiếu đến FIG. 6, như nêu trên, các đường xé đứt 1c kéo dài qua vị trí trong phần cặp thứ hai 1b theo chiều ngang về phía bên trong của vùng cố định

băng gài 1bk. Khi cắt ra vùng cố định 1bk, do đó không cần thiết cắt tất cả băng gài 11. Việc này có thể làm giảm lực cần thiết để cắt đường xé đứt 1c. Do đó, có thể giảm sức căng bên ngoài mà có thể được áp dụng cho trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 trong khi cắt, mà đủ cho ý tưởng cho thao tác tối thiểu.

Đục lỗ theo tập hợp vùng của các đường xé đứt 1c của các đường rạch thẳng (tương ứng với các lỗ thông và được thể hiện theo sơ đồ trong FIG. 6 và tất cả các hình vẽ mà trong đó sự đục lỗ được minh họa). Cụ thể là, các đường rạch thẳng (không được thể hiện) mà kéo dài qua cánh bên thứ hai 1bsf theo chiều dày được đặt dọc theo hướng mà trong đó các đường xé đứt 1c nên được kéo dài. Độ dài và độ của các đường rãnh được thiết kế để xem xét thích hợp với hiệu quả cắt và hiệu quả tương tự. Nói một cách cụ thể, chiều dài của các đường rãnh được minh họa là từ 1 đến 3mm, và chiều dài của khoảng cách giữa các đường rạch liền kề (nói cách khác, chiều dài của các vị trí giữa đường rạch mà không tồn tại đường rạch) được minh họa là từ 0,5 đến 2mm. Có thể nói rằng mức độ của các đường rạch trên đây là tổng của chiều dài của các đường rạch và khoảng trống.

Các đường xé đứt 1c sẽ còn được mô tả chi tiết dưới đây.

Như được thể hiện trong FIG. 6, đường xé đứt 1c được tạo thành ở một trong các cánh bên thứ hai 1bsf và đường xé đứt 1c được tạo thành ở cánh bên thứ hai còn lại 1bsf là đường đối xứng về phía đường tâm nằm ngang C1 của tã lót 1. Một trong các đường xé đứt 1c về cơ bản là hình chữ J và bao gồm phần đường thẳng 1cL, mà nằm dọc theo chiều dọc, và phần được uốn cong 1cB, mà ở dạng được uốn cong.

Phần đường thẳng 1cL bắt đầu ở vùng 1bHB của phần cặp thứ hai 1b mà đóng vai trò là khoảng hở quanh cặp 1HB; nói cách khác, phần đường thẳng 1cL bắt đầu tại mép ngoài theo chiều dọc 1be1 phần cặp thứ hai 1b. Sau đó, phần đường thẳng 1cL kéo dài theo chiều dọc vào phía trong dọc theo đường song song với chiều dọc, và đến vị trí theo chiều dọc là băng gài 11 hoặc vị trí hơi nằm trong vị trí theo chiều dọc. Phần đường thẳng 1cL nối với phần được uốn cong 1cB tại vị trí mà phần đường thẳng 1cL đạt đến. Phần được uốn cong 1cB còn kéo dài vào phía trong theo chiều dọc. Cụ thể hơn là, phần được uốn cong 1cBis được uốn cong bên ngoài theo chiều ngang với có vùng uốn cong nhất định mà phần được uốn cong 1cB kéo dài vào phía trong theo chiều dọc; phần được uốn cong 1cB cuối cùng đạt đến vùng 1bHL của phần cặp thứ hai 1b, mà đóng vai trò là khoảng hở quanh chân 1HL, cụ thể là, nằm ngang mép ngoài 1be2 của phần cặp thứ hai 1b.

Với con đường của đường xé đứt 1c, đường xé đứt 1c kèm theo vùng cố định băng gài 1bk hoàn toàn từ phía trong theo chiều ngang. Khi đường xé đứt 1c được cắt, do

đó vùng cố định băng gài 1bk cùng với băng gài 11 có thể được tách rời từ phần tâm nằm ngang 1bc của phần cặp thứ hai 1b.

Hơn nữa, nếu phần được uốn cong nêu trên 1cB bao gồm, các đường xé đứt 1c có thể theo con đường tương đối ngắn đến mép ngoài nằm ngang 1be2 của phần cặp thứ hai 1b. Cụ thể là, có thể điều chỉnh các đường xé đứt 1c mà không kéo dài đường của chúng đáng kể vào phía trong theo chiều dọc. Điều này có thể ngăn chặn khó khăn một cách hữu hiệu mà có thể xảy ra khi đường đi của các đường xé đứt 1c kéo dài đáng kể vào phía trong theo chiều dọc, ví dụ, khó khăn là, khi các con đường mà mỗi đường dẫn đến các cánh bên thứ nhất 1asf (FIG. 2), một phần của đường xé đứt 1c bị tách ra giữa bụng của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 ở tư thế được xác định và các chân của người sử dụng được mở rộng có hình chữ M, mà gây ra khó khăn cắt đường xé đứt 1c.

Trong ví dụ của FIG. 6, đường xé đứt 1c được đặt trong cánh bên thứ hai 1bsf. Tuy nhiên, sáng chế không bị giới hạn ở đó. Cụ thể là, theo một số trường hợp, một phần đường xé đứt 1c có thể còn kéo dài vào cánh bên của phần đứng 1msf. Tuy nhiên, phần kéo dài dư ra gây khó khăn là khó cắt đường xé đứt 1c, do đường xé đứt 1c có khả năng bị lật giữa bụng và các chân được mở rộng hình chữ M của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101, hoặc do cắt độ dài dài hơn.

Trong ví dụ này, các tấm 4, 5 và 6 được đặt ở vị trí mà phần đường thẳng 1cL được tạo thành ở đó. Cụ thể là, có ba tấm sau đây từ mặt tiếp xúc với da theo chiều dày: tấm chun đứng 6; tấm chống rò rỉ 4; và tấm bên ngoài 5. Số tấm được xếp chồng là ba. Ở phần đường thẳng 1cL, do đó các lỗ đục được tạo thành kéo dài qua ba tấm được xếp chồng 4, 5 và 6.

Mặt khác, như nêu trên, vị trí mà phần được uốn cong 1cB được tạo ra ở đó di chuyển ra bên ngoài theo chiều ngang như di chuyển vào phía trong theo chiều dọc. Do đó, số tấm được xếp chồng khác nhau theo đường từ một đầu của phần được uốn cong 1cB sang đầu khác. Nói cách khác, như được minh họa trong nửa phía trái của FIG. 6, trong khoảng nhất định nằm trong phần 1cB1 của phần được uốn cong 1cB mà nối với phần đường thẳng 1cL, số tấm được xếp chồng là ba theo cùng cách như trong phần đường thẳng 1cL. Đây là phần 1cB2 của phần được uốn cong 1cB mà liền kề với khoảng nhất định của phần 1cB1 và được bố trí về phía bên trong của khoảng nhất định theo chiều dọc, và phần 1cB2 không bao gồm tấm chống rò rỉ 4, và bao gồm hai tấm: tấm chun đứng 6 và tấm bên ngoài 5. Do đó, trong khi đó các lỗ đục được tạo thành kéo dài qua ba tấm 4, 5 và 6 ở phần trước 1cB1, các lỗ đục được tạo thành kéo dài qua hai tấm 5 và 6 ở phần sau 1cB2.

Khi có phần 1cB2 của phần được uốn cong 1cB mà số tấm được xếp chồng nhỏ

hơn, phần 1cB2 này tương đối dễ cắt. Điều này có thể đẩy nhanh việc cắt đường được uốn cong, mà thường được cho rằng khó hơn cắt đường thẳng. Do đó, đó là phần được uốn cong có thể cắt một cách chính xác 1cB dọc theo hình dạng được uốn cong được định trước của nó.

Trong ví dụ này, bằng cách tham chiếu đến FIG. 6, như nêu trên, các đường xé đứt 1c được tạo thành ở cánh bên thứ hai 1bsf, và một trong các đường xé đứt 1c được tạo ra ở vị trí phía ngoài theo chiều ngang so với thân thấm hút 3. Như có thể quan sát được từ FIG. 6, các đường xé đứt 1c được tạo thành ở các vị trí phía ngoài theo chiều ngang so với các phần đáy 6k và phần đứng 6s của tấm chun đứng 6.

Do đó, thậm chí nếu đường xé đứt 1c được xé đứt, thân thấm hút 3 và các phần đáy 6k và các phần đứng 6s của tấm chun đứng 6 được giữ vững mà hoàn toàn không bị ảnh hưởng. Điều này ngăn chặn một cách hiệu quả phân được giữ bằng thân thấm hút 3 hoặc phần đứng 6s khỏi rò rỉ từ lỗ 1, sự rò rỉ gây ra do cắt các đường xé đứt 1c.

Với mối quan hệ về vị trí giữa các đường xé đứt 1c và tấm phía trên 2, các đường xé đứt 1c được tạo thành trên mặt ngoài của tấm phía trên 2 theo chiều ngang, và nói cách khác, tấm phía trên 2 không tồn tại ở vị trí của đường xé đứt 1c. Do đó, số tấm được xếp chồng nhỏ hơn ở vị trí của các đường xé đứt 1c hơn ở các vùng khác. Kết cấu này góp phần cải thiện dễ dàng với các đường xé đứt 1c được cắt.

Quan điểm về đẩy nhanh hơn các đường xé đứt 1c, tấm chống rò rỉ 4 tốt hơn là được bố trí sao cho chiều mà trong đó màng nhựa giãn ra tại thời điểm sản xuất dọc theo chiều dọc, màng nhựa nhằm làm tấm chống rò rỉ 4 trong FIG. 6. Cụ thể là, màng nhựa thường có thể được cắt dọc theo chiều kéo giãn do hướng nhựa thẳng hàng với chiều kéo giãn. Nếu chiều kéo giãn dọc theo chiều dọc, do đó tấm chống rò rỉ 4 dễ cắt hơn dọc theo chiều dọc. Do đó, có thể cắt rõ ràng phần đường thẳng 1cL, trong đó tấm chống rò rỉ 4 tồn tại, dọc theo chiều dọc.

Như được thể hiện trong FIG. 6, khi phần được uốn cong 1cB được cắt theo đường cắt của phần đường thẳng 1cL của đường xé đứt 1c, có khả năng cắt ngẫu nhiên phần mở rộng của phần đường thẳng 1cL hoặc gần nó do động lượng cắt phần đường thẳng 1cL. Cụ thể là, có các khả năng mà vị trí được cố định ra khỏi phần được uốn cong 1cB được cắt ngẫu nhiên. Để ngăn chặn nêu trên, cách sau được dùng trong ví dụ này.

Chi tiết đàn hồi quanh chân 21 được cố định gần đường xé đứt 1c. Như được quan sát từ chiều dày, chi tiết đàn hồi quanh chân 21 giao với phần được uốn cong 1cB của đường xé đứt 1c tại vị trí giao nhau nhất định P1c. Cụ thể hơn là, như được minh họa ở nửa bên phải của FIG. 6, xem xét rằng phần được uốn cong 1cB được chia thành hai phần, cụ thể là phần 1cBa gần khoảng hở quanh cặp 1HB và phần 1cBb gần khoảng hở

quanh chân 1HL, vị trí giao nhau P1c được đặt ở phần trước 1cBa gần khoảng hở quanh cặp 1HB. Do đó, vị trí giao nhau P1c được cố định tương đối gần vị trí biên PLB giữa phần đường thẳng 1cL và phần đường uốn cong 1cB.

Trong quy trình mà trong đó phần đường uốn cong 1cB của đường xé đứt 1c được cắt theo đường cắt của phần đường thẳng 1cL, khi vị trí cắt đạt đến vị trí giao nhau P1c gần vị trí biên PLB, động lượng theo chiều dọc để cắt phần đường thẳng 1cL được hấp thụ do biến dạng đàn hồi của chi tiết đàn hồi quanh chân 21. Do đó, sự dịch chuyển cắt thẳng dọc theo chiều dọc dừng lại. Điều này làm cho nó có thể điều chỉnh nhanh vị trí cắt về phía phần đường uốn cong 1cB. Điều này làm cho nó có thể chính xác cắt tă lót dọc theo phần đường uốn cong 1cB.

Trong ví dụ của FIG. 7, do sự thích hợp liên quan đến các lỗ đục, dễ dàng cho các đường xé đứt 1c được cắt khác nhau phụ thuộc vào vị trí theo chiều dọc. Ví dụ, xem xét đường xé đứt 1c được chia thành ba phần theo chiều dọc 1c1, 1c2 và 1c3, dễ dàng với các đường xé đứt 1c được cắt mà được thiết lập tương ứng với các phần 1c1, 1c2 và 1c3. Cụ thể hơn là, phần thứ nhất 1c1 (tương ứng với phần đường xé đứt thứ nhất), là một trong ba phần 1c1, 1c2 và 1c3, được cố định trong vùng bao gồm vùng 1bHB của phần cặp thứ hai 1b nhằm làm khoảng hở quanh cặp 1HB. Phần thứ nhất này 1c1 bao gồm các lỗ đục dễ cắt. Phần thứ hai 1c2 (tương ứng với phần đường xé đứt thứ hai), là phần còn lại của ba phần 1c1, 1c2 và 1c3, được cố định trong vùng theo chiều dọc bao gồm vị trí tương ứng với vùng cố định bằng gài 1bk. Phần thứ hai này 1c2 bao gồm các lỗ đục dễ cắt mà khó cắt hơn của phần thứ nhất 1c1. Phần thứ ba 1c3, là phần còn lại 1c3, là phần đường uốn cong 1cB nêu trên. Phần thứ ba này 1c3 bao gồm các lỗ đục dễ cắt mà là cùng loại như của phần thứ nhất 1c1.

Điều này ngăn một cách hiệu quả, do các lỗ đục dễ cắt của phần thứ hai 1c2, phần thứ hai 1c2 khỏi bị đứt ngẫu nhiên khi mỗi băng gài 11 và 11 được kéo ra bên ngoài theo chiều ngang nhằm cho trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 mặc tă lót 1. Ngoài ra, khi tháo tă lót 1 từ trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101, các lỗ đục dễ cắt của phần thứ nhất 1c1 làm cho nó có thể dễ bắt đầu cắt tă lót 1 từ vùng 1bHB mà đóng vai trò làm khoảng hở quanh cặp 1HB. Đồng thời phần đường uốn cong có thể cắt một cách chính xác 1cB dọc theo hình dạng đường uốn cong được định trước của nó do các lỗ đục dễ cắt, phần đường uốn cong 1cB nhằm làm phần thứ ba 1c3.

Các thiết lập nêu trên để dễ cắt các lỗ đục đạt được bằng cách thay đổi chiều dài của đường rãnh chứa trong các lỗ đục, và điều này được sử dụng trong ví dụ này. Cụ thể, trong ví dụ này, các mức độ của đường rạch được giữ đồng nhất và các chiều dài của đường rạch khác nhau. Do vậy, tỷ lệ của chiều dài của các đường rạch với chiều dài đơn

vị theo hướng mà trong đó đường xé đứt 1c kéo dài trong phần 1c2 khác với của các phần 1c1 và 1c3. Nói chung, các lỗ đục có tỷ lệ rộng là dễ cắt, và các lỗ đục có tỷ lệ nhỏ là khó cắt. Do đó, trong ví dụ này, tỷ lệ ở phần thứ hai 1c2 nhỏ hơn so với tỷ lệ ở phần thứ nhất 1c1 và tỷ lệ ở phần thứ ba 1c3.

Trong ví dụ của FIG. 2, trong mỗi cánh bên thứ nhất 1asf và 1bsf của phần cặp thứ nhất 1a, đường cắt 1ca bao gồm các lỗ đục. Nói cách khác, ở mỗi cánh bên thứ nhất 1asf, đường cắt 1ca được tạo ra kéo dài theo chiều dọc vào phía trong từ mép ngoài theo chiều dọc 1asfe. Vị trí nằm ngang mà các đường cắt 1ca được tạo thành là giống các vị trí mà các đường xé đứt 1c được tạo thành trên các mép ngoài theo chiều dọc 1bsfe của các cánh bên thứ hai 1bsf.

Điều này cho khoảng tương đối rộng đặt giữa các đường cắt 1ca và 1cb ở phần cặp thứ nhất 1a. Do đó, sau khi cắt các lỗ đục của các đường cắt 1ca và 1cb, bụng của trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 có thể tiếp xúc bằng cách gấp vùng 1am của phần cặp thứ nhất 1a giữa các đường cắt 1ca và 1cb. Việc này có hiệu quả trong trường hợp mà trong đó hoạt động thích hợp xử lý nhẹ cần đối với bụng của trẻ sơ sinh. Do các đường cắt 1ca và 1cb dễ mở theo chiều ngang sau khi cắt các đường cắt này, phần cặp thứ nhất 1a có thể thay đổi linh hoạt theo chiều ngang. Trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 mà bụng lớn có thể theo đó mặc tã lót 1 một cách tiện lợi.

FIG. 8 là sơ đồ giải thích về các đường xé đứt 1c' của ví dụ được biến đổi thứ nhất. Trong khi đó, ở phương án trước, số tấm được xếp chồng khác nhau từ ba đến hai phụ thuộc vào các vị trí ở các đường xé đứt 1c như được thể hiện trong FIG. 6, trong ví dụ được biến đổi thứ nhất, số tấm được xếp chồng là không đổi thông qua toàn bộ chiều dài của mỗi đường xé đứt 1c'. Cụ thể là, như được thể hiện trong FIG. 8, vị trí của đường xé đứt 1c' trong ví dụ được biến đổi thứ nhất được cố định ra theo chiều ngang so với đường xé đứt 1c trong FIG. 6 của phương án trước. Thông qua toàn bộ chiều dài của đường xé đứt 1c', do đó đường xé đứt 1c' được cố định ra theo chiều ngang so với tấm chống rò rỉ 4. Tại vị trí này, có hai tấm riêng: tấm chun đứng 6 và tấm bên ngoài 5. Và, các lỗ đục của đường xé đứt 1c' được tạo thành thông qua hai tấm này 5 và 6 theo chiều dày. Số tấm nhỏ hơn được xếp chồng, và đường xé đứt 1c' có thể được cắt với hiệu quả cắt tốt. Phần còn lại của kết cấu về cơ bản là giống với các phương án trước. Các thành phần giống như các phương án trước sẽ được ký hiệu bằng cùng số tham chiếu, và phần mô tả của nó được bỏ qua.

FIG. 9 là sơ đồ giải thích của các đường xé đứt 1c'' của ví dụ được biến đổi thứ hai theo phương án trước và ví dụ được biến đổi thứ nhất, mỗi đường xé đứt 1c và 1c' bao gồm phần đường thẳng 1cL và phần được uốn cong 1cB như được thể hiện trong

FIG. 6 và FIG. 8. Trong ví dụ được biến đổi thứ hai, một trong các đường xé đứt $1c''$, mặt khác, không bao gồm phần được uốn cong $1cB$ và bao gồm riêng phần đường thẳng $1cL$. Cụ thể là, trong ví dụ được biến đổi thứ hai, mỗi đường xé đứt $1c''$ được cố định tương đối ra theo chiều ngang so với ví dụ được biến đổi thứ nhất. Điều này làm cho nó có thể cắt ra vùng cố định bằng gài $1bk$ bằng cách sử dụng riêng một phần đường thẳng $1cL$, mà kéo dài dọc theo chiều dọc. Với đường xé đứt này $1c''$, việc cắt riêng một phần đường thẳng $1cL$ làm cho nó dễ cắt hơn. Do đó, có thể cắt chính xác các đường xé đứt $1c''$ mà không cắt tã lót 1 rộng ra khỏi các vị trí của các đường xé đứt $1c''$. Tại vị trí của mỗi đường xé đứt $1c''$, có hai tấm riêng biệt: tấm chun đứng 6 và tấm bên ngoài 5. Và, các lỗ đục của đường xé đứt $1c''$ được tạo thành thông qua hai tấm này 5 và 6 theo chiều dày.

FIG. 10 là sơ đồ giải thích của đường xé đứt $1c'''$ của ví dụ được biến đổi thứ ba. Trong phương án trước (FIG. 6), ví dụ được biến đổi thứ nhất (FIG. 8), và ví dụ được biến đổi thứ hai (FIG. 9), tất cả các đường xé đứt $1c$, $1c'$ và $1c''$ được tạo thành kéo dài về cơ bản là dạng chữ J và thẳng nhằm làm khoảng hở quanh cặp $1HB$ vùng $1bHB$ của phần cặp thứ hai $1b$ đến vùng $1bHL$ nhằm làm khoảng hở quanh chân $1HL$. Tuy nhiên, các đường xé đứt $1c'''$ của ví dụ được biến đổi thứ ba chủ yếu khác nhau do các đường này không đi vào các đường này. Cụ thể là, như được thể hiện trong FIG. 10, mỗi đường xé đứt $1c'''$ về cơ bản có dạng chữ U để bao quanh vùng cố định bằng gài $1bk$ trên ba cạnh. Với một trong các đường xé đứt $1c'''$, điểm đầu Ps của nó được đặt về cạnh ngoài cùng nằm ngang $1bsfee$ của cánh bên thứ hai $1bsf$ của phần cặp thứ hai $1b$, đường xé đứt $1c'''$ kéo dài từ điểm đầu sao cho vùng cố định bằng gài $1bk$ được cố định bên trong đường có dạng chữ U, và cuối cùng đi đến cạnh ngoài cùng nằm ngang $1bsfee$ của cánh bên thứ hai $1bsf$ như điểm đầu Ps ; vị trí Pe mà trong đó đường xé đứt $1c'''$ đạt đến cạnh ngoài cùng $1bsfee$ là điểm cuối Pe của đường xé đứt $1c'''$. Phần còn lại của kết cấu về cơ bản giống với các phương án trước. Các thành phần giống như các phương án trước sẽ được ký hiệu bằng cùng số tham chiếu, và phần mô tả của nó được bỏ qua.

Ngẫu nhiên là, ở đầu phần mô tả, có mô tả rằng tã lót 1 theo phương án sáng chế thích hợp với trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 nặng 3000 gam hoặc nhỏ hơn. Ngoài ra, xem xét rằng tã lót 1 có thể giải quyết hiệu quả vấn đề trước đây liên quan đến tư thế được xác định và thao tác tối thiểu. Có thể xem xét rằng tã lót 1 hiệu quả hơn trong trường hợp mà trong đó bệnh nhân có khả năng ở tư thế được xác định và thao tác tối thiểu là cần thiết hơn. Đây là trường hợp mà trọng lượng của bệnh nhân nhỏ hơn.

Do đó, tã lót 1 theo phương án sáng chế tốt hơn là được áp dụng với trẻ sơ sinh mới sinh có trọng lượng thấp là 500 gam hoặc lớn hơn và nhỏ hơn 2500 gam, tốt hơn là

được áp dụng với trẻ sơ sinh mới sinh có trọng lượng rất thấp là 1000gam hoặc lớn hơn và nhỏ hơn 1500 gam, còn tốt hơn nữa là được áp dụng cho trẻ sơ sinh mới sinh có trọng lượng cực thấp nhỏ hơn 1000 gam.

Tã lót 1 theo phương án sáng chế tập trung ở trẻ sơ sinh có trọng lượng thấp 101 và nhỏ hơn so với các tã lót đã biết 1 với các trẻ sơ sinh mới sinh. Ví dụ, trong khi đó chiều dài sản phẩm của các tã lót với trẻ sơ sinh mới sinh là 365mm và chu vi của L1HB của khe hở eo 1HB khi mặc là 304mm, chiều dài của sản phẩm L1(FIG. 2) của tã lót 1 theo phương án sáng chế là từ 210 đến 330mm và chu vi L1HB của khe hở ép 1HB khi mặc là 160-295mm.

Ví dụ, chiều dài sản phẩm L1 của tã lót 1 đo được ở trạng thái mà trong đó tã lót 1 được mở rộng ra. Cụ thể là, như được thể hiện trong FIG. 2, ở trạng thái được mở rộng, các băng gài 11 và 11 là trước tiên chưa được gài từ vùng đích 1at. Sau đó, tã lót 1 được mở rộng ra sao cho phần cặp thứ nhất 1a, phần đũng 1m và phần cặp thứ hai 1b được đặt theo đường theo chiều dọc, và tã lót 1 được kéo giãn theo chiều dọc đến phạm vi mà không có độ co của tấm chun đứng 6 gây ra do chi tiết đàn hồi các chun đứng 6r và phạm vi mà không có độ co của các cánh bên của phần đũng 1msf và 1msf gây ra do các chi tiết đàn hồi quanh chân 21 và 21. Sau đó, chiều dài tối đa theo chiều dọc L1 của tã lót giãn được 1 đo được; số đo là chiều dài sản phẩm L1.

Mặt khác, chu vi L1HB của khoảng hở quanh cặp 1HB đo được khi cặp băng gài 11 và 11 được gài theo cách mà các băng gài xếp chồng lên nhau. FIG. 11 là sơ đồ giải thích nó. Với mục đích giải thích, cánh bên thứ hai phía trái 1bsf của băng gài 11 trong FIG. 11 sau đây được gọi là “băng phía trái 11-1” và cả băng gài 11 của cánh bên thứ hai phía phải 1bsf sau đây được gọi là “băng phía phải 11-2”.

Chuẩn bị đo, hai băng gài 11-1 và 11-2 trước tiên được gài theo cách mà các băng gài 11-1 và 11-2 chồng lên nhau. Cụ thể là, như được thể hiện trong FIG. 11, chi tiết ren 11m của băng phía trái 11-1 được gài với vùng đích 1at của phần cặp thứ nhất 1a, và sau khi chi tiết ren 11m của băng phía phải 11-2 được gài với bề mặt không tiếp xúc với da 11-1s của băng phía trái 11-1. Ở giai đoạn này, trong khi trùng với các tâm theo chiều dọc C11-1 và C11-2 của các băng này 11-1 và 11-2, các băng này được xác định sao cho cạnh 11-2e của băng phía phải 11-2 trùng với đầu phía dưới 11me của chi tiết ren 11m của băng phía trái 11-1. Theo cách này, các băng gài được gài theo cách mà các băng gài xếp chồng lên nhau.

Khoảng hở quanh cặp 1HB, được tạo ra bằng cách gài các băng gài, kéo giãn cho đến khi độ co gây ra do chi tiết đàn hồi quanh cặp 21 vừa loại bỏ. Với khoảng hở quanh cặp 1HB kéo giãn theo cách này, chu vi L1HB của khoảng hở quanh cặp 1HB đo được;

theo đó chu vi L1HB thu được.

Do các sản phẩm với trẻ sơ sinh mới sinh có trọng lượng thấp, chiều dài sản phẩm L1 và chu vi L1HB của khoảng hở quanh cặp 1HB lần lượt được minh họa là 310mm và 273,5mm; như với các sản phẩm đối với trẻ sơ sinh mới sinh có trọng lượng rất thấp, chiều dài sản phẩm L1 và chu vi L1HB của khoảng hở quanh cặp 1HB lần lượt được minh họa là 270mm và 220mm; và như với các sản phẩm đối với trẻ sơ sinh mới sinh có trọng lượng cực thấp, chiều dài sản phẩm L1 và chu vi L1HB của khoảng hở quanh cặp 1HB lần lượt được minh họa là 230mm và 219mm.

Các phương án khác

Mặc dù các phương án theo sáng chế được mô tả nêu trên, các phương án được mô tả nêu trên được định hướng để đẩy nhanh việc hiểu sáng chế, sáng chế không bị làm giới hạn đến các phương án này. Không nhất thiết nói rằng, các biến đổi và các cải biến có thể được thực hiện với sáng chế mà không vượt ra khỏi tinh thần của sáng chế, và các tương đương của nó nằm trong phạm vi của sáng chế. Ví dụ, sáng chế có thể được biến đổi như được mô tả sau đây.

Theo phương án trước, các đường xé đứt 1c, 1c', 1c'' và 1c''' được minh họa bằng các lỗ đục, sáng chế không bị giới hạn ở đó. Cụ thể là, nếu các đường xé đứt 1c, 1c', 1c'' và 1c''' dễ cắt hơn các vùng quanh chúng, các đường xé đứt có thể bao gồm bất kỳ thứ gì trừ các lỗ đục. Ví dụ, các đường rạch dạng cong hoặc dạng sóng có thể được sử dụng thay vì các đường thẳng dọc theo hướng mà trong đó các đường xé đứt 1c, 1c', 1c'' và 1c''' nên được kéo dài, hoặc hình dạng phẳng của các lỗ thông có thể là hình tròn, hình ovan hoặc hình tương tự. Hơn nữa, có thể chấp nhận rằng các lỗ thông không được bố trí theo đường. Ví dụ, các đường xé đứt 1c, 1c', 1c'' và 1c''' có thể bao gồm các phần lõm được tạo thành bằng cách ép hoặc ép và hàn theo chiều dày.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Tã lót dùng một lần kiểu hở có chiều dọc, chiều ngang và chiều dày vuông góc với nhau, trong đó tã lót này bao gồm:

phần cạp thứ nhất (1a);

phần đũng (1m);

phần cạp thứ hai (1b),

phần cạp thứ nhất (1a), phần đũng (1m) và phần cạp thứ hai (1b) được bố trí theo thứ tự theo chiều dọc;

các băng gài (11)

lần lượt được cố định với các đầu nằm ngang (2e) của phần cạp thứ hai (1b), và được gài với phần cạp thứ nhất (1a) và theo đó cấu thành khoảng hở quanh cạp (1HB) và hai khoảng hở quanh chân (1HL); và

đường xé đứt (1c)

cụ thể là để cắt ra một phần của phần cạp thứ hai (1b) mà băng gài được cố định, và

để tạo ra ở trạng thái trong đó tã lót được mở rộng ra,

trong đó:

trong vùng của phần cạp thứ nhất mà đóng vai trò là khoảng hở quanh cạp (1bHB), đường cắt (1ca) được tạo ra dọc theo chiều dọc trên cùng vị trí nằm ngang là đường xé đứt (1c).

2. Tã lót dùng một lần kiểu hở theo điểm 1, trong đó:

đường xé đứt (1c) tương ứng với mỗi băng gài (11) và được tạo ra tại mỗi vị trí trên cả hai bên theo chiều ngang,

đường xé đứt (1c) được tạo ra được kéo dài từ vùng mà đóng vai trò là khoảng hở quanh cạp (1bHB), đến vùng mà đóng vai trò là khoảng hở quanh chân (1bHL), thông qua vị trí theo chiều ngang trên mặt bên trong của vùng mà băng gài (11) được cố định.

3. Tã lót dùng một lần kiểu hở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

đường xé đứt (1c) bao gồm các lỗ thông kéo dài theo chiều dày, và các lỗ thông được đặt dọc theo hướng mà trong đó đường xé đứt (1c) nên được kéo dài.

4. Tã lót dùng một lần kiểu hở theo điểm 3, trong đó:

đường xé đứt (1c) bao gồm:

phần đường xé đứt thứ nhất (1c1) mà tạo được ra kéo dài theo chiều dọc vào phía trong từ vùng mà đóng vai trò là khoảng hở quanh cạp (1HB), và

phần đường xé đứt thứ hai (1c2)

cụ thể là được cố định ở vị trí trên mặt bên trong của phần đường xé đứt thứ nhất (1c1) theo chiều dọc và

cụ thể là được cố định ở vị trí theo chiều dọc làm băng gài (11), liên quan đến tỷ lệ về chiều dài của các lỗ thông so với chiều dài đơn vị theo hướng mà trong đó đường xé đứt (1c) kéo dài, tỷ lệ ở phần đường xé đứt thứ hai (1c2) nhỏ hơn so với tỷ lệ ở phần đường xé đứt thứ nhất (1c1).

5. Tã lót dùng một lần kiểu hở theo điểm 4, trong đó:

đường xé đứt (1c) bao gồm phần được uốn cong (1c3) về phía bên trong của phần đường xé đứt thứ hai (1c2) theo chiều dọc,

phần được uốn cong (1c3) ở dạng được uốn cong và dịch chuyển ra bên ngoài theo chiều ngang do nó di chuyển vào phía trong theo chiều dọc,

liên quan đến tỷ lệ về chiều dài của các lỗ thông so với chiều dài đơn vị theo hướng mà trong đó đường xé đứt (1c) kéo dài, tỷ lệ ở phần đường xé đứt thứ hai (1c2) nhỏ hơn so với tỷ lệ ở phần được uốn cong (1c3).

6. Tã lót dùng một lần kiểu hở theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 3, trong đó:

đường xé đứt (1c) bao gồm

phần đường thẳng (1cL) mà kéo dài thẳng dọc theo the chiều dọc từ vùng mà đóng vai trò là khoảng hở quanh cạp (1bHB), và

phần được uốn cong (1cB)

mà ở dạng được uốn cong và

được cố định trên mặt bên trong của phần đường thẳng (1cL) theo chiều dọc và di chuyển ra bên ngoài theo chiều ngang do nó di chuyển vào phía trong theo chiều dọc.

7. Tã lót dùng một lần kiểu hở (1) theo điểm 6, trong đó:

các chi tiết đàn hồi quanh chân (21) được tạo ra dọc theo chiều dọc ở các vị trí trên cả hai bên theo chiều ngang,

một trong các chi tiết đàn hồi quanh chân (21) là để co vùng mà đóng vai trò là khoảng hở quanh chân (1bHL) theo chiều dọc, và

xem xét rằng phần được uốn cong (1cB) được chia thành phần gần khoảng hở quanh cạp (1HB) và phần gần khoảng hở quanh chân,

khi chi tiết đàn hồi quanh chân (21) được quan sát từ chiều dày, chi tiết đàn hồi quanh chân (21) giao nhau với một phần của phần được uốn cong trên mặt của khoảng hở quanh cạp (1HL).

8. Tã lót dùng một lần kiểu hở (1) theo điểm 6 hoặc 7, trong đó:

tã lót bao gồm các tấm được xếp chồng theo chiều dày,

số tấm được xếp chồng với ít nhất một phần của phần được uốn cong (1c3) nhỏ

hơn so với số tấm được xếp chồng ở phần đường thẳng (1cL).

9. Tã lót dùng một lần kiểu hở (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 6 đến 8, trong đó:

tã lót bao gồm màng nhựa,

chiều mà trong đó màng nhựa kéo giãn tại thời điểm sản xuất dọc theo chiều dọc,

và

phần đường thẳng (1cL) được tạo ra trong màng nhựa.

10. Tã lót dùng một lần kiểu hở (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 9, trong đó:

các chun đứng (6g) giống như vùng tạo thành tấm được tạo ra dọc theo chiều dọc ở các vị trí trên cả hai bên theo chiều ngang,

vùng tạo thành các chun đứng (6) bao gồm phần đáy (6k) và phần đứng (6s) được bố trí theo thứ tự theo chiều ngang,

phần đáy (6k) không thể đứng theo chiều dày,

phần đứng (6s) có thể đứng từ phần đáy (6k) trên mặt tiếp xúc với da theo chiều dày, phần đáy (6k) nhằm làm điểm đỡ,

phần đứng (6s) đứng trên mặt tiếp xúc với da theo chiều dày do độ co của phần đứng (6s) theo chiều dọc bằng lực co theo chiều dọc mà tác dụng lên phần đứng, (6s) và

đường xé đứt (1c) được tạo ra trên các mặt ngoài của phần đáy (6k) và phần đứng (6s) theo chiều ngang.

11. Tã lót dùng một lần kiểu hở theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 10, trong đó:

tã lót còn bao gồm lõi thấm hút (3c) ở tâm theo chiều ngang,

lõi thấm hút (3c) thấm hút chất lỏng và bao gồm vật liệu thấm hút chất lỏng được lắng đọng theo chiều dày, và

đường xé đứt (1c) được tạo ra trên mặt ngoài của lõi thấm hút theo chiều ngang.

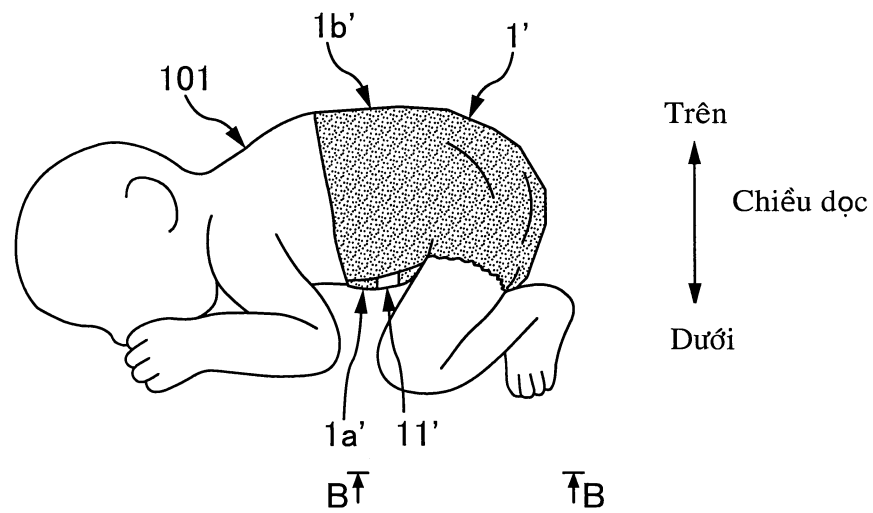
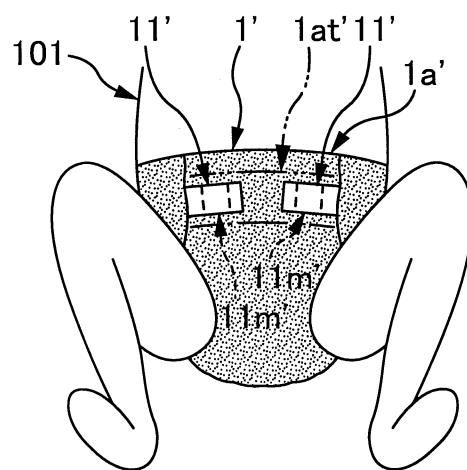
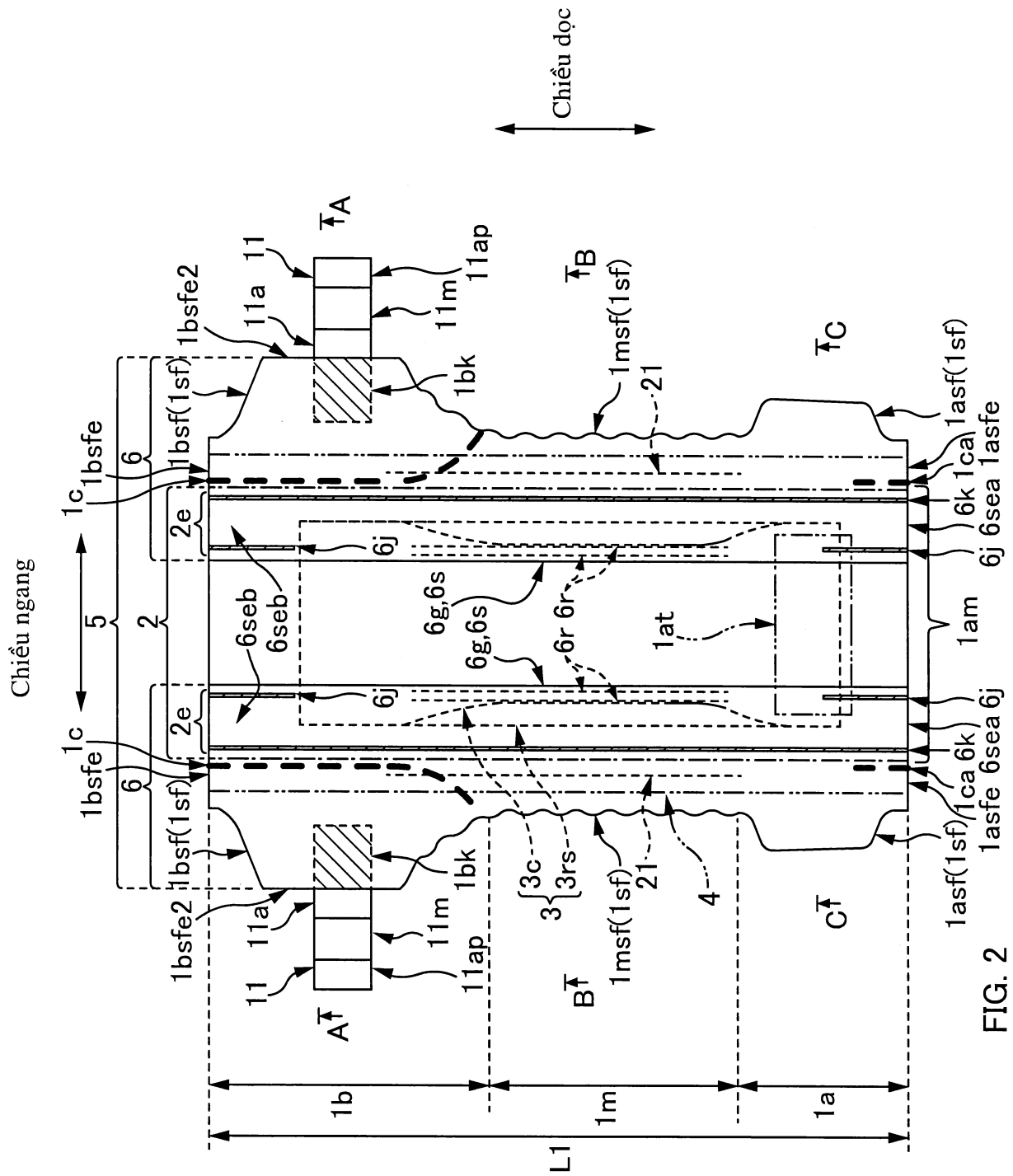


FIG. 1A



Dọc theo mũi tên B-B

FIG. 1B



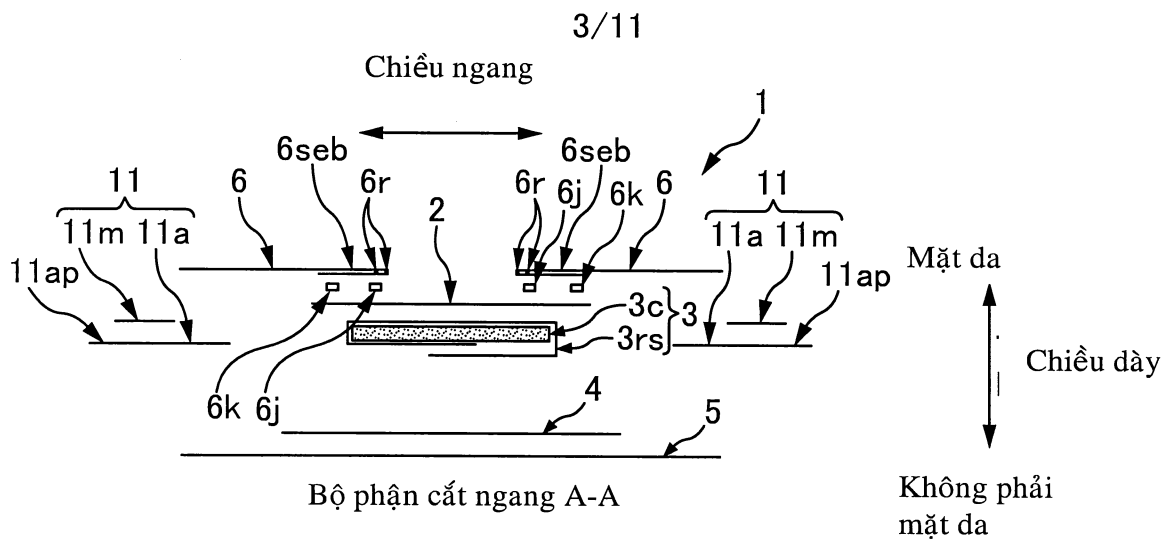


FIG. 3A

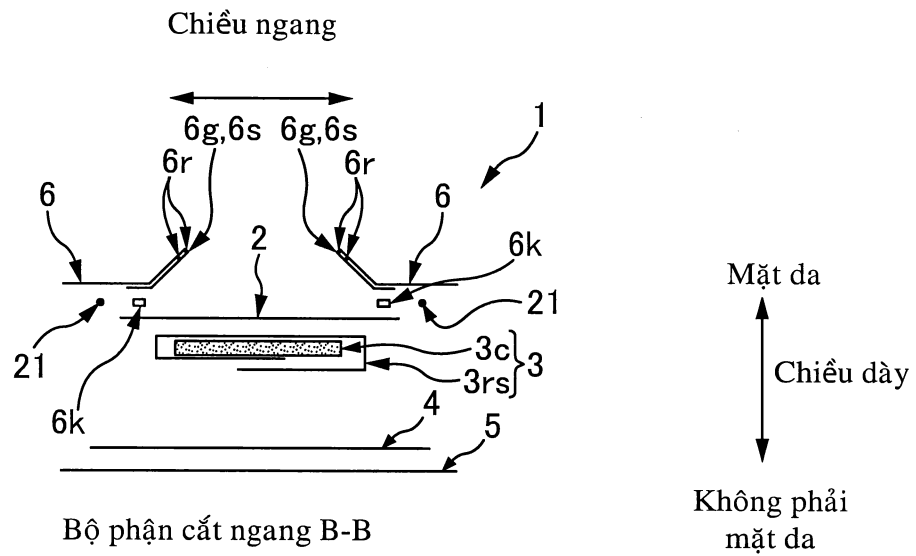


FIG. 3B

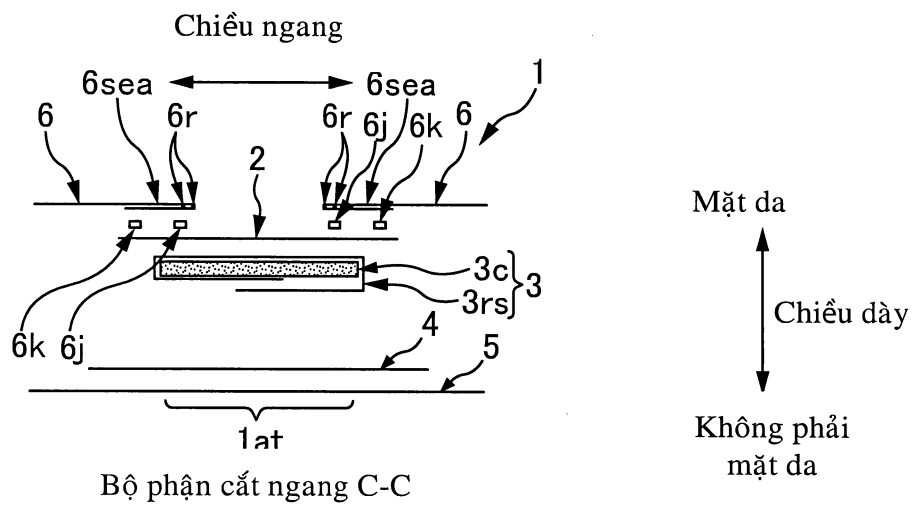


FIG. 3C

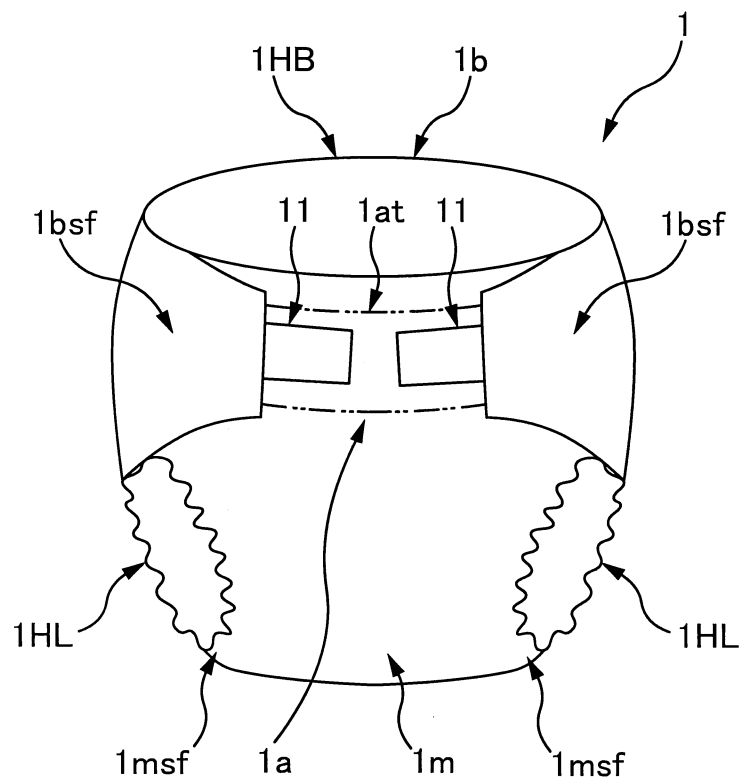


FIG. 4

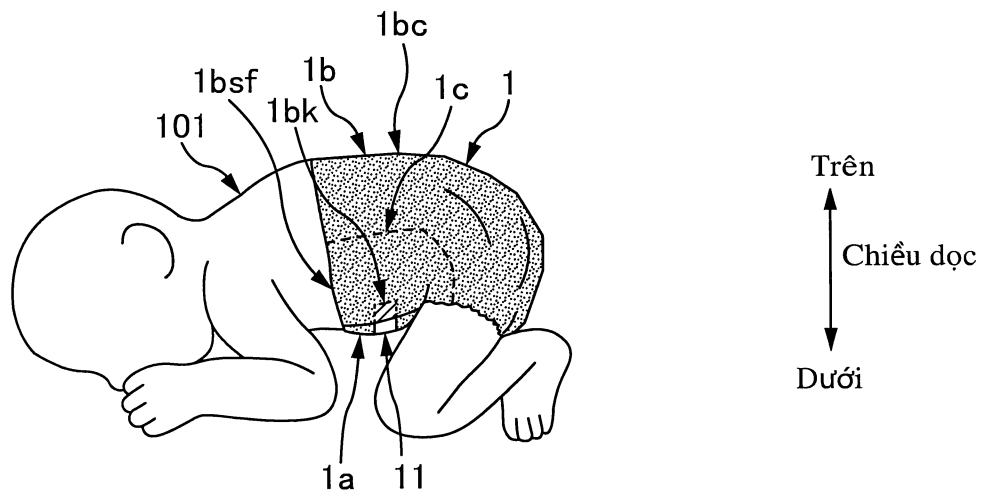


FIG. 5A

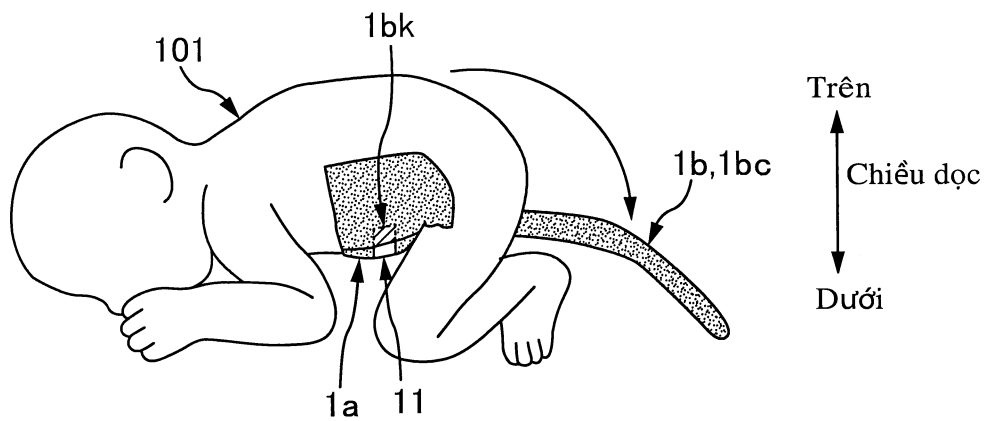
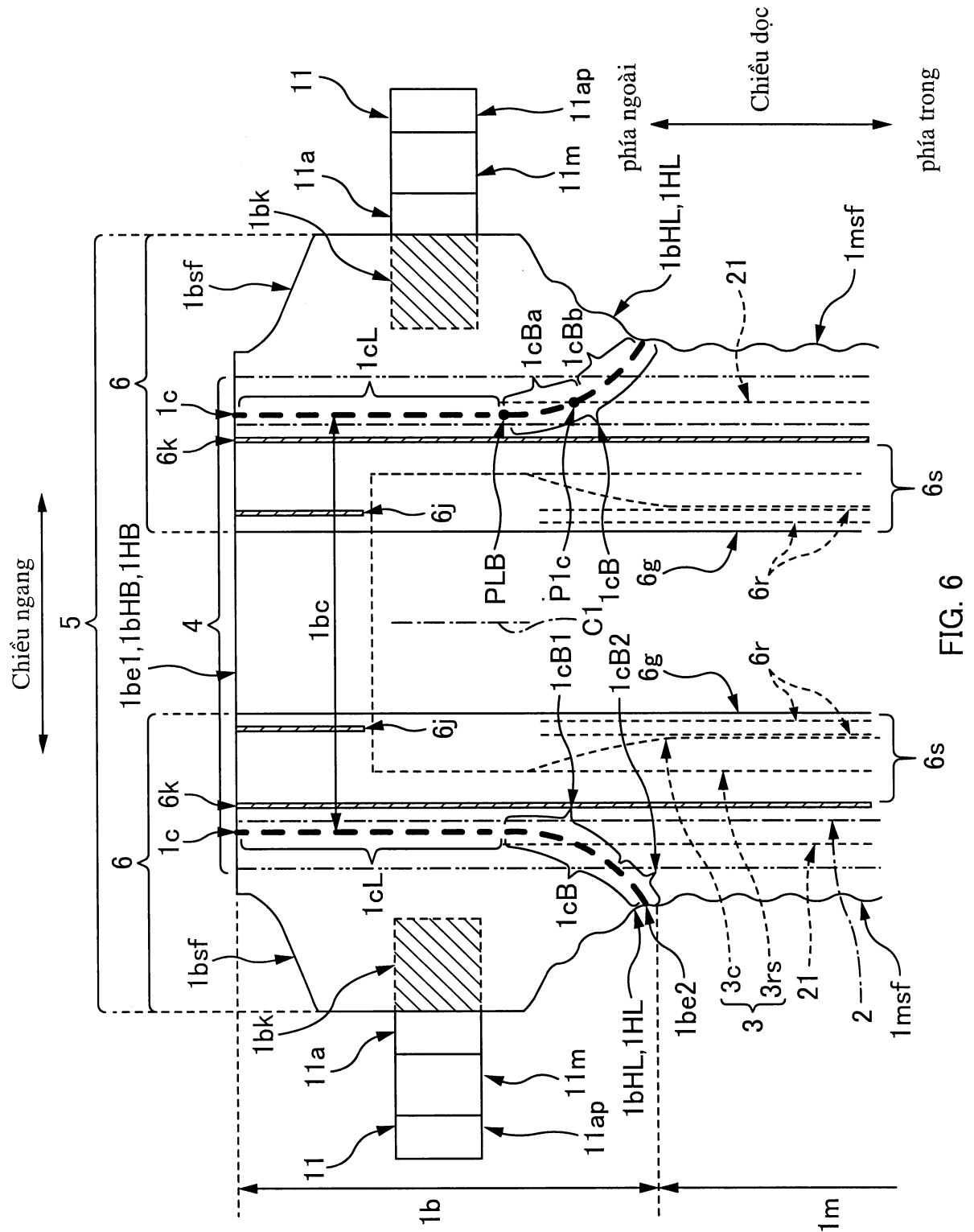
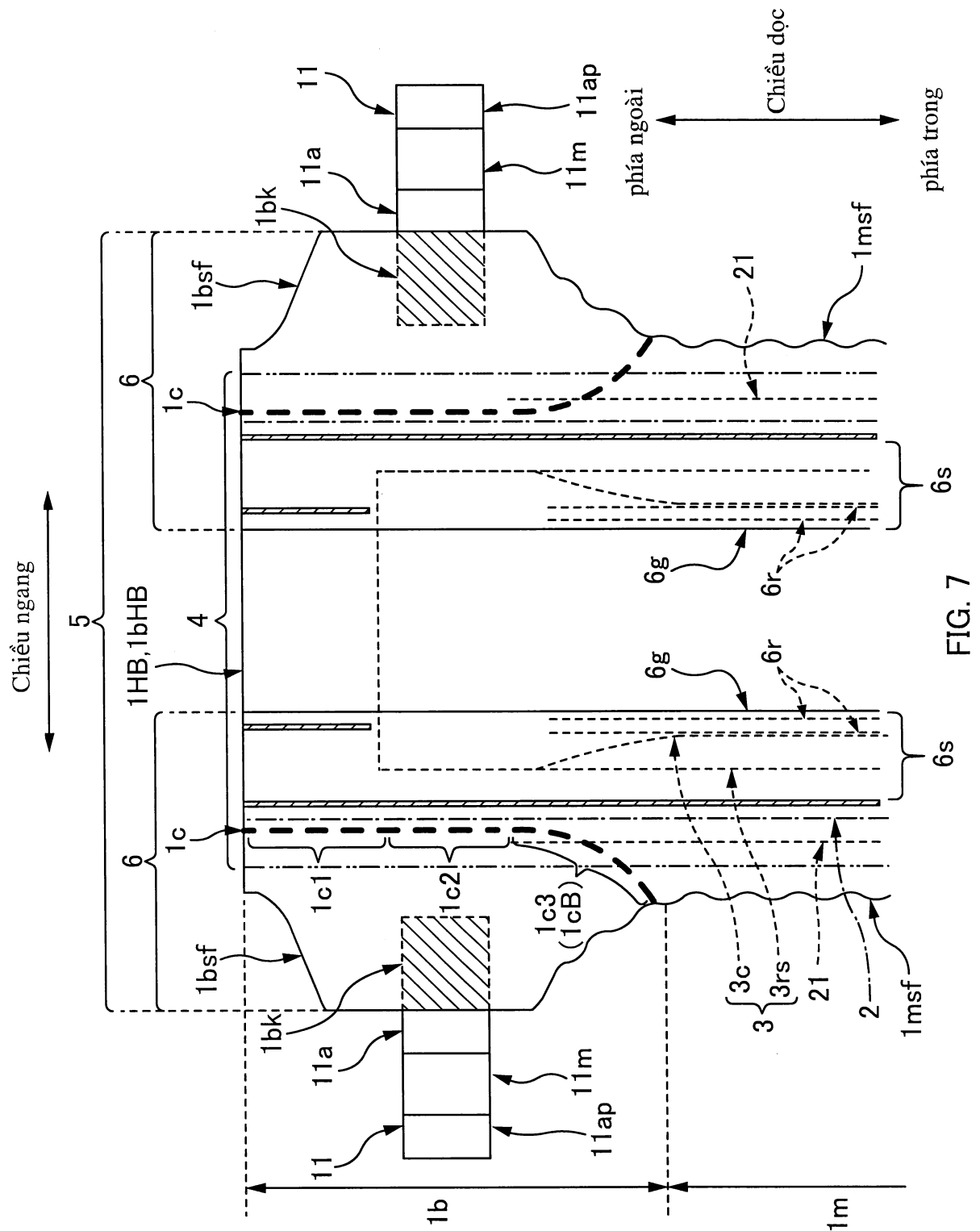
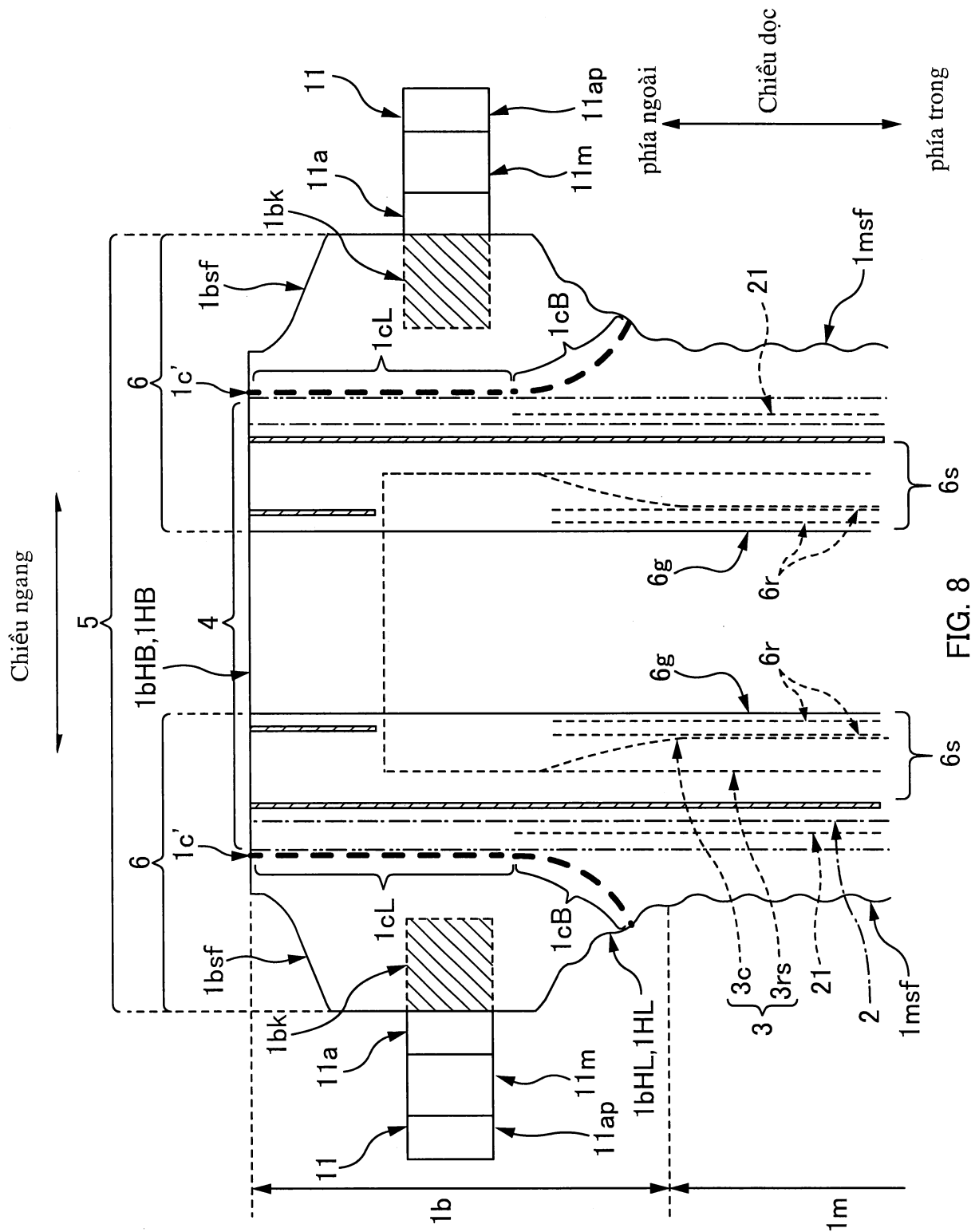


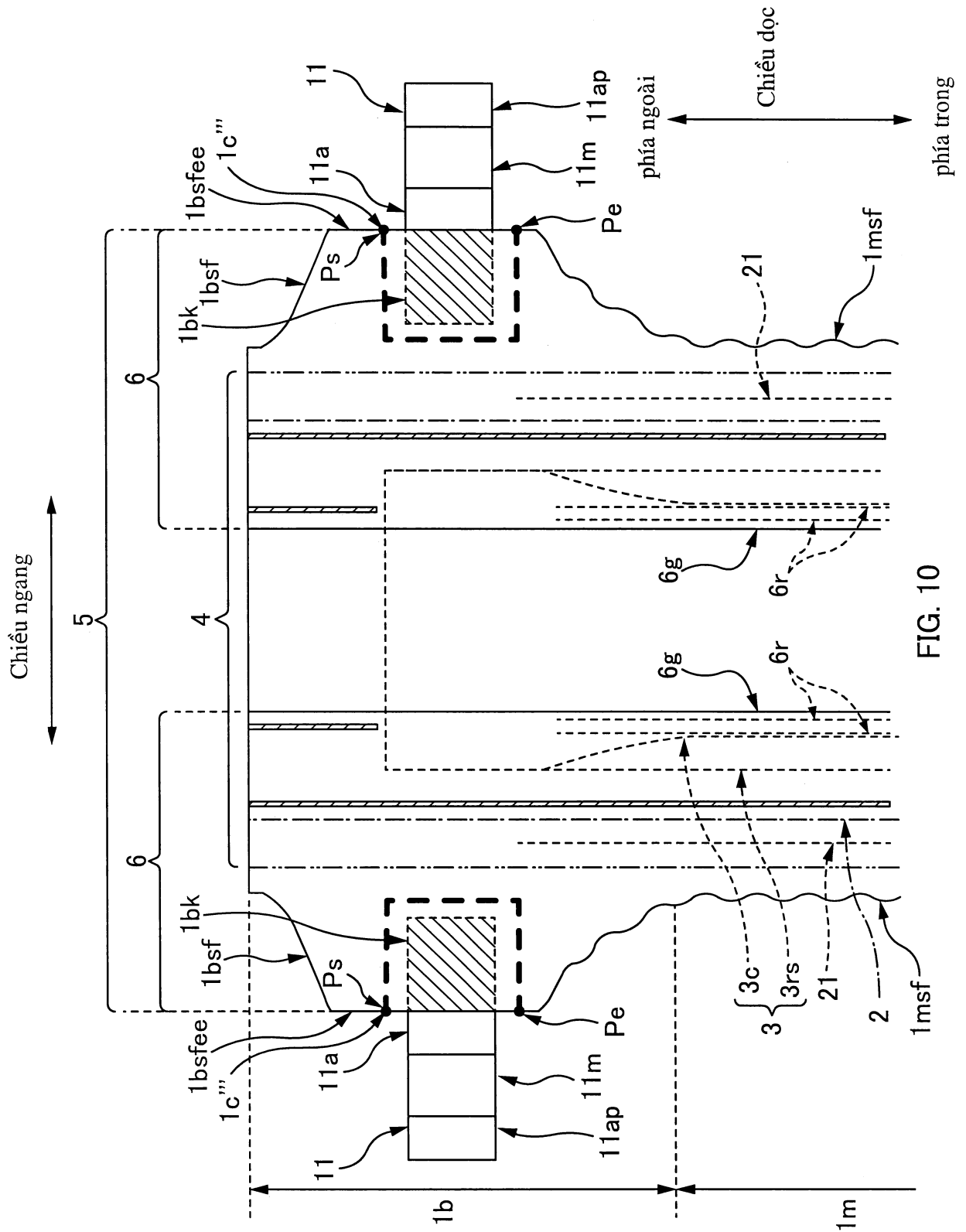
FIG. 5B











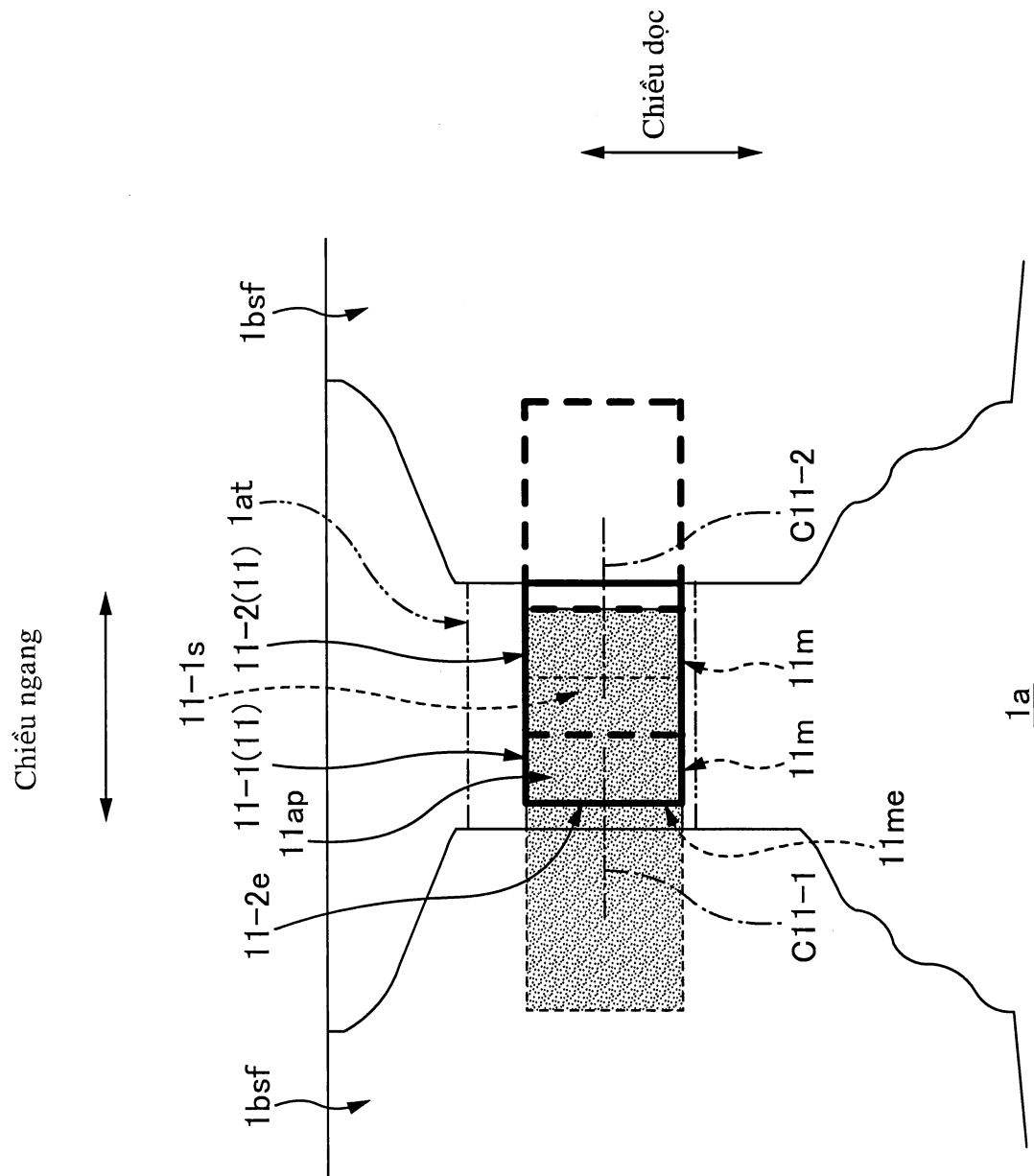


FIG.11